

Số 22 /TB-HĐKT

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc triệu tập người dự thi
Kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 625/KH-TANDTC ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân tối cao về tổ chức Kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026; căn cứ danh sách người đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự Kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026 đã được Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân quyết định, Hội đồng Kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026 thông báo như sau:

1. Triệu tập người đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

Triệu tập **1.182** thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân năm 2026, gồm:

- Thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 3: 36 người.
- Thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 2: 14 người.
- Thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân bậc 1: 1.132 người.

(Có Danh sách kèm theo Thông báo này Phụ lục số 01,02,03).

2. Địa điểm, thủ tục và lịch thi

2.1. Địa điểm thi:

Học viện Tòa án, đường Dương Đức Hiền, xã Thuận An, thành phố Hà Nội.

2.2. Thủ tục dự thi:

Từ 14h00 – 15h30 ngày 18/8/2026 (**Thứ Ba**): Khai mạc, phổ biến nội quy và các nội dung cần thiết liên quan Kỳ thi.

2.3. Lịch thi:

Thứ Tư, ngày 19/8/2026:

- Buổi sáng: Phần thi viết, thời gian làm bài **180 phút**. Người dự thi có mặt tại phòng thi lúc **7h00**.
- Buổi chiều: Phần thi trắc nghiệm, thời gian làm bài **60 phút**. Người dự thi có mặt tại phòng thi lúc **13h00**.

Danh sách người dự thi theo phòng thi, sơ đồ vị trí các phòng thi, nội quy, hình thức và thời gian cụ thể đối với từng phần thi được niêm yết tại địa điểm thi chậm nhất 01 ngày trước ngày khai mạc Kỳ thi theo quy định.

3. Quy định đối với người dự thi

- Người có tên trong danh sách dự thi nhưng không tham gia dự thi phải có đơn trình bày rõ lý do, có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị và gửi về Tòa án nhân dân tối cao (qua Phòng Đào tạo, bồi dưỡng, Vụ Tổ chức - Cán bộ).

- Người dự thi chủ động truy cập Cổng thông tin thi tuyển chọn Thẩm phán tại địa chỉ <https://thithamphan.toaan.gov.vn/> và thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 04, kèm theo Thông báo này để nộp lệ phí thi theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính.

- Người dự thi tham dự kỳ thi mặc trang phục ngành Tòa án nhân dân; mang theo Thẻ căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để xuất trình khi được gọi vào phòng thi.

4. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị có người được triệu tập dự thi có trách nhiệm quán triệt nội dung Thông báo này, tạo điều kiện để người dự thi thuộc quyền quản lý tham dự Kỳ thi đầy đủ, đúng thời gian và thực hiện nghiêm Nội quy Kỳ thi.

Thông báo này được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao tại địa chỉ <http://www.toaan.gov.vn> và Cổng thông tin thi tuyển chọn Thẩm phán tại địa chỉ <https://thithamphan.toaan.gov.vn/> để người dự thi biết và thực hiện.

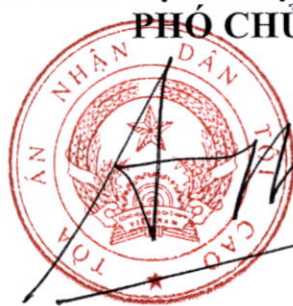
Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần trao đổi, đề nghị liên hệ Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao (Phòng Đào tạo, bồi dưỡng) trong giờ hành chính qua các số điện thoại: 0395.285.225 (đ/c Trường), 0975.234.093 (đ/c Hải) để được hướng dẫn;

Người dự thi có nhu cầu ăn, nghỉ tại Học viện Tòa án trước hoặc trong thời gian diễn ra kỳ thi, liên hệ qua số điện thoại 0926.661.119 (đ/c Phương) để đăng ký và thực hiện các thủ tục có liên quan. ✓

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC, Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán TAND (để báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng Kỳ thi (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng kỳ thi; Ban Giám sát; Ban, Tổ giúp việc Hội đồng kỳ thi năm 2026;
- Thủ trưởng đơn vị thuộc TAND tối cao, Chánh án TAND cấp tỉnh (để phối hợp, thực hiện);
- Lưu: HĐKT (TTK).

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KỲ THI
PHÓ CHỦ TỊCH



Chu Đức Anh
Vụ trưởng Vụ Tổ chức – Cán bộ



DANH SÁCH DỰ THI THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN BẬC 3
(Tòa án nhân dân tối cao)

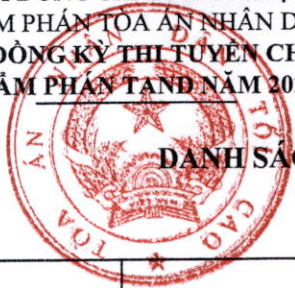
STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	B30001	Thái Thanh Bình	27/10/1985	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
2	B30002	Nguyễn Thị Hải Châu	15/12/1973	Nữ	Thẩm tra viên chính, Tổng Biên tập	Tạp chí Tòa án nhân dân	
3	B30003	Hoàng Ngọc Chiêu	26/4/1976	Nam	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
4	B30004	Đặng Quang Dũng	20/5/1975	Nam	Thẩm tra viên, Trưởng phòng	Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng	
5	B30005	Nguyễn Thị Thùy Giang	17/3/1978	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
6	B30006	Võ Thị Thùy Giang	14/12/1983	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
7	B30007	Phạm Thị Thu Hà	01/7/1980	Nữ	Thẩm tra viên chính	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	
8	B30008	Đặng Thu Hà	10/11/1973	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
9	B30009	Nguyễn Thị Hà	16/6/1980	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
10	B30010	Đỗ Thị Thu Hằng	03/8/1975	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
11	B30011	Trần Mạnh Hùng	05/7/1976	Nam	Thẩm tra viên chính, Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng TANDTC	
12	B30012	Lê Mạnh Hùng	03/6/1970	Nam	Thẩm tra viên chính, Phó Vụ trưởng	Vụ Hợp tác quốc tế	
13	B30013	Nguyễn Thị Thúy Hương	16/6/1978	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
14	B30014	Trần Thị Hương	05/7/1976	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
15	B30015	Nguyễn Thị Hường	29/9/1985	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
16	B30016	Bùi Sỹ Khánh	12/6/1983	Nam	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
17	B30017	Tạ Thị Hương Lý	24/02/1977	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
18	B30018	Phạm Thị Ngoan	20/10/1978	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
19	B30019	Lê Thị Ngọc	10/8/1986	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
20	B30020	Hoàng Hạnh Nguyên	14/10/1978	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
21	B30021	Phạm Văn Nhạ	10/7/1976	Nam	Thẩm tra viên chính, Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng TANDTC	
22	B30022	Cao Thị Lan Phương	18/11/1987	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
23	B30023	Hoàng Minh Sơn	21/11/1980	Nam	Thẩm tra viên chính, Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
24	B30024	Nguyễn Thị Sỹ	15/11/1983	Nam	Thẩm tra viên chính, Trưởng phòng	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	
25	B30025	Vũ Thị Thái	20/02/1981	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
26	B30026	Đào Thị Thảo	02/07/1987	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
27	B30027	Nguyễn Thị Thuý	02/01/1986	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
28	B30028	Trần Thị Thanh Thúy	28/12/1982	Nữ	Thẩm tra viên, Thư ký Phó Chánh án	Văn phòng TANDTC	
29	B30029	Hoàng Thanh Thùy	27/01/1974	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
30	B30030	Nguyễn Thị Tình	02/03/1984	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
31	B30031	Phạm Thị Khánh Toàn	05/5/1981	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
32	B30032	Phan Minh Toàn	21/12/1985	Nam	Thẩm tra viên chính	Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội	
33	B30033	Trịnh Thị Minh Trang	22/11/1979	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
34	B30034	Hoàng Quỳnh Trang	09/8/1987	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
35	B30035	Trần Quốc Tuấn	05/9/1976	Nam	Thẩm tra viên chính	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	
36	B30036	Lương Văn Việt	20/05/1978	Nam	Thẩm tra viên cao cấp, Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy TANDTC	Văn phòng Đảng ủy TANDTC	

Tổng số: 36 người

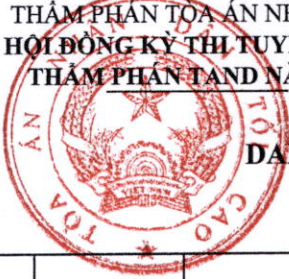




DANH SÁCH DỰ THI THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN BẠC 2
(Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án địa phương)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	B20001	Trần Thị Hương	23/08/1976	Nữ	Thẩm tra viên chính, Trưởng phòng	Tuyên Quang	
2	B20002	Nguyễn Hương Lê	30/10/1983	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
3	B20003	Lưu Thị Mỹ Linh	03/2/1985	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
4	B20004	Nguyễn Thị Hoa Mai	15/5/1985	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
5	B20005	Nguyễn Ngọc Mai	31/12/1989	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
6	B20006	Nguyễn Đình Mạnh	08/10/1984	Nam	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra I	
7	B20007	Trần Thị Minh	15/11/1982	Nữ	Thẩm tra viên, Trưởng phòng	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	
8	B20008	Trần Thị Hồng Nhạn	02/9/1983	Nữ	Thẩm tra viên	Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng	
9	B20009	Nguyễn Thị Phương	11/4/1977	Nữ	Thẩm tra viên chính, Chánh Văn phòng	Hưng Yên	
10	B20010	Nguyễn Thành Quyên	10/8/1982	Nam	Thẩm tra viên chính, Thư ký Phó Chánh án TANDTC	Văn phòng TANDTC	
11	B20011	Nguyễn Cao Thắng	19/01/1980	Nam	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
12	B20012	Dương Danh Thành	14/9/1980	Nam	Thẩm tra viên chính, Trưởng phòng	Phú Thọ	
13	B20013	Hồ Thị Tuyết	08/11/1976	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
14	B20014	Dương Hải Yến	17/8/1987	Nữ	Thẩm tra viên chính	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	

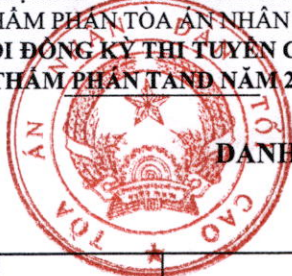
Tổng số: 14 người



DANH SÁCH DỰ THI THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN BẠC 1
(Tòa án Quân sự)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	B1QS0001	Nguyễn Anh Tú	10/10/1991	Nam	Đại úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Quân khu 1	
2	B1QS0002	Phùng Văn Hoàng	26/6/1993	Nam	Thiếu tá - Thư ký viên	Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 1	
3	B1QS0003	Hoàng Thị Thu Phương	05/7/1990	Nữ	Đại úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3	
4	B1QS0004	Đỗ Văn Duy	10/10/1997	Nam	Thượng úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3	
5	B1QS0005	Quách Văn Trường	28/10/1993	Nam	Đại úy - Thẩm tra viên	Tòa án quân sự Quân khu 4	
6	B1QS0006	Võ Minh Tuấn	01/6/1987	Nam	Thiếu tá - Thư ký viên	Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5	
7	B1QS0007	Đặng Thế Thanh	29/3/1991	Nữ	Đại úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5	
8	B1QS0008	Nguyễn Hồng Quân	20/4/1988	Nam	Thiếu tá - Thư ký viên	Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9	
9	B1QS0009	Vũ Tiến Thọ	19/8/1991	Nam	Đại úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội	
10	B1QS0010	Hoàng Xuân Hưng	04/10/1993	Nam	Đại úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội	
11	B1QS0011	Đặng Nhật Trường	04/9/1995	Nam	Thượng úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân	
12	B1QS0012	Nguyễn Văn Linh	07/7/1997	Nam	Thượng úy - Thư ký viên	Tòa án quân sự Khu vực Quân chủng Hải quân	

Tổng số: 12 người



DANH SÁCH DỰ THI THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN BẠC 1
(Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án địa phương)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	B10001	Phan Thị Thúy An	08/8/1989	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
2	B10002	Võ Thúy An	18/05/1989	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
3	B10003	Huỳnh Thanh An	06/12/1983	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
4	B10004	Nguyễn Trường An	19/5/1990	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
5	B10005	Nguyễn Thị Thúy An	19/9/1992	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
6	B10006	Võ Hải An	08/02/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
7	B10007	Nguyễn Thanh Ân	27/09/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
8	B10008	Võ Tuấn Anh	22/12/1990	Nam	Thư ký viên	An Giang	
9	B10009	Nguyễn Việt Anh	10/11/1988	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
10	B10010	Trần Thị Ngọc Anh	09/10/1992	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
11	B10011	Huỳnh Hoàng Anh	20/12/1984	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
12	B10012	Vũ Đức Anh	22/6/1990	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
13	B10013	Lê Khắc Anh	15/12/1993	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
14	B10014	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	14/10/1992	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
15	B10015	Nguyễn Thị Phương Anh	07/7/1993	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
16	B10016	Nguyễn Hoàng Anh	21/5/1988	Nam	Thư ký viên, Phó Trưởng phòng	Nghệ An	
17	B10017	Đặng Quỳnh Anh	19/6/1992	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
18	B10018	Phạm Thị Lan Anh	28/11/1982	Nữ	Thư ký viên chính	Ninh Bình	
19	B10019	Lương Công Anh	16/01/1991	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
20	B10020	Vũ Thị Hà Anh	18/8/1993	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Quảng Ngãi	
21	B10021	Trần Tuấn Anh	23/10/1992	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
22	B10022	Cao Mỹ Anh	20/5/1988	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
23	B10023	Nguyễn Thị Cẩm Anh	16/12/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
24	B10024	Phạm Thái Trâm Anh	09/02/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
25	B10025	Trần Thị Lan Anh	24/08/1984	Nữ	Thẩm tra viên chính	TP. Hà Nội	
26	B10026	Đỗ Kỳ Anh	02/11/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
27	B10027	Tạ Ngọc Anh	31/03/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
28	B10028	Nguyễn Thị Vân Anh	17/3/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
29	B10029	Trịnh Việt Anh	22/10/1995	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
30	B10030	Phạm Ngọc Anh	15/9/1993	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
31	B10031	Ngô Thị Ngọc Anh	30/7/1990	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	TP. Hải Phòng	
32	B10032	Nguyễn Thị Vân Anh	29/8/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
33	B10033	Diệp Lê Quỳnh Anh	02/11/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
34	B10034	Nguyễn Phan Quế Anh	11/10/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
35	B10035	Lê Đức Anh	23/01/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
36	B10036	Hoàng Thế Anh	25/11/1988	Nam	Thư ký viên	Tuyên Quang	
37	B10037	Nguyễn Thế Anh	30/10/1987	Nam	Thư ký viên	Vĩnh Long	
38	B10038	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/10/1984	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
39	B10039	Trần Nhật Ánh	19/3/1989	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
40	B10040	Lô Quốc Át	20/4/1985	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Nghệ An	
41	B10041	Đỗ Rum Ba	02/01/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
42	B10042	Nguyễn Thị Ba	17/11/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
43	B10043	Nguyễn Việt Bắc	30/12/1981	Nam	Thư ký viên	An Giang	
44	B10044	Ngô Thế Bắc	25/7/1978	Nam	Thẩm tra viên	Cà Mau	
45	B10045	Nguyễn Thị Bắc	15/08/1989	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
46	B10046	Thới Ngọc Bắc	24/10/1987	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
47	B10047	Phạm Quang Bảo	01/6/1984	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
48	B10048	Nguyễn Hoài Bảo	17/11/1986	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Vĩnh Long	
49	B10049	Trương Văn Bé	20/11/1980	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
50	B10050	Trịnh Thị Biên	17/9/1992	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
51	B10051	Nguyễn Xuân Bình	04/6/1992	Nam	Thư ký viên	Bắc Ninh	
52	B10052	Nguyễn Thị Thanh Bình	04/6/1991	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
53	B10053	Trần Hoà Bình	05/04/1986	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
54	B10054	Quảng Thị Thái Bình	29/5/1982	Nữ	Thẩm tra viên	Khánh Hòa	
55	B10055	Triệu Tuấn Bình	24/5/1988	Nam	Thư ký viên	Lạng Sơn	
56	B10056	Bùi Thị Bình	26/11/1980	Nữ	Thư ký viên chính	Phú Thọ	
57	B10057	Hồ Thị Bình	12/9/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
58	B10058	Đinh Nho Bình	27/12/1981	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
59	B10059	Lương Hữu Bình	19/01/1977	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
60	B10060	Vũ Thư Thái Bình	25/01/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
61	B10061	Lương Đăng Bùi	05/11/1983	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
62	B10062	Nguyễn Thị Nguyệt Bun	22/12/1986	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
63	B10063	Trần Ngọc Châu	26/09/1992	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
64	B10064	Thạch Thị Minh Châu	26/3/1990	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
65	B10065	Trần Hồng Chi	27/6/1987	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
66	B10066	Lê Thị Mỹ Chi	30/7/1982	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
67	B10067	Phạm Ngọc Chí	20/9/1987	Nam	Thư ký viên	An Giang	
68	B10068	Trương Minh Chiến	10/02/1977	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
69	B10069	Nguyễn Thị Chinh	05/4/1991	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
70	B10070	Lê Thị Thùy Chinh	2/10/1984	Nữ	Thư ký viên chính	Ninh Bình	
71	B10071	Nguyễn Huy Chính	19/12/1986	Nam	Thư ký viên	Hà Tĩnh	
72	B10072	Vương Thị Choi	19/10/1989	Nữ	Thư ký viên	Lạng Sơn	
73	B10073	Ma Văn Chung	20/8/1980	Nam	Thẩm tra viên	Thái Nguyên	
74	B10074	Lương Quốc Chương	12/07/1990	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
75	B10075	Lê Thị Chuyên	20/5/1992	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
76	B10076	Lý Thị Chuyên	15/3/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
77	B10077	Võ Chí Công	19/04/1989	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
78	B10078	Phạm Hữu Công	13/12/1988	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
79	B10079	Vũ Thành Công	01/3/1989	Nam	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Thái Nguyên	
80	B10080	Lương Văn Công	20/06/1982	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
81	B10081	Đỗ Thành Công	24/4/1985	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
82	B10082	Nguyễn Văn Công	12/5/1987	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
83	B10083	Nguyễn Thị Kim Cúc	20/4/1980	Nữ	Thẩm tra viên	Thanh Hóa	
84	B10084	Trần Thị Cúc	29/11/1981	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Cần Thơ	
85	B10085	Nguyễn Thị Cương	01/11/1984	Nữ	Thẩm tra viên	Cà Mau	
86	B10086	Nguyễn Dương Kim Cương	21/12/1989	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
87	B10087	Lê Anh Cương	09/05/1989	Nam	Thư ký viên	Sơn La	
88	B10088	Lê Thị Kim Cương	20/4/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
89	B10089	Đặng Khắc Cường	18/12/1985	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
90	B10090	Phạm Duy Cường	21/9/1989	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
91	B10091	Phùng Mạnh Cường	09/12/1995	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
92	B10092	Nguyễn Mạnh Cường	23/8/1994	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
93	B10093	Bùi Việt Cường	8/5/1986	Nam	Thư ký viên	Ninh Bình	
94	B10094	Đỗ Mạnh Cường	15/04/1977	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
95	B10095	Nguyễn Long Cường	28/06/1976	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
96	B10096	Trương Quốc Đại	06/4/1986	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
97	B10097	Lê Đình Dân	25/01/1982	Nam	Thư ký viên chính	Gia Lai	
98	B10098	Nguyễn Xuân Dân	02/5/1982	Nam	Thư ký viên	Thanh Hóa	
99	B10099	Phan Văn Dân	20/02/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
100	B10100	Thái Vũ Hải Đăng	09/3/1994	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
101	B10101	Lê Hồng Đăng	12/5/1988	Nam	Thư ký viên	Phú Thọ	
102	B10102	Bùi Công Danh	12/4/1994	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
103	B10103	Phạm Công Danh	27/12/1990	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
104	B10104	Hồ Thị Đào	01/01/1988	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
105	B10105	Trần Thụy Anh Đào	06/08/1990	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
106	B10106	Đào Thị Đào	05/11/1982	Nữ	Thẩm tra viên chính, Phó Trưởng phòng	TP. Hải Phòng	
107	B10107	Võ Thị Bích Đào	18/6/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
108	B10108	Phạm Minh Đất	08/11/1983	Nam	Thẩm tra viên	Cà Mau	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
109	B10109	Nguyễn Tấn Đạt	04/4/1982	Nam	Thư ký viên	An Giang	
110	B10110	Hà Chí Đệ	06/01/1983	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
111	B10111	Võ Thị Hồng Diễm	12/06/1986	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
112	B10112	Quảng Thị Kiều Diễm	09/11/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
113	B10113	Phan Thị Thuý Diễm	05/4/1981	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
114	B10114	Nguyễn Thị Hồng Diễm	24/11/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
115	B10115	Quách Văn Diễn	20/10/1990	Nam	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
116	B10116	Trần Thanh Điền	17/8/1988	Nam	Thư ký viên	Vĩnh Long	
117	B10117	Phạm Thị Bích Diệp	24/4/1983	Nữ	Thẩm tra viên	Ninh Bình	
118	B10118	Phan Thị Ngọc Diệp	02/12/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
119	B10119	Huỳnh Thị Xuân Diệu	30/5/1984	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
120	B10120	Nguyễn Hiệp Định	16/8/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
121	B10121	Dương Thị Bích Dịu	27/02/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
122	B10122	Tô Quang Đô	21/11/1986	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
123	B10123	Lê Anh Đô	02/9/1991	Nam	Thẩm tra viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Cần Thơ	
124	B10124	Trịnh Thị Thục Đoan	15/04/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
125	B10125	Nguyễn Văn Đông	16/7/1989	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
126	B10126	Hà Thị Du	27/7/1988	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Thái Nguyên	
127	B10127	Huỳnh Thị Dư	30/4/1984	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
128	B10128	Phan Văn Dự	03/12/1986	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
129	B10129	Lê Thị Dự	04/9/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
130	B10130	Nguyễn Tất Duẩn	10/11/1986	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
131	B10131	Bùi Ngọc Đức	10/5/1980	Nam	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng	
132	B10132	Thái Vũ Đức	04/6/1983	Nam	Thư ký viên kiêm Phó Chánh Văn phòng	An Giang	
133	B10133	Phạm Công Đức	28/11/1990	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
134	B10134	Hoàng Công Đức	08/02/1989	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
135	B10135	Lê Minh Đức	29/10/1977	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
136	B10136	Phạm Văn Đức	15/3/1987	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
137	B10137	Nguyễn Thanh Đức	09/10/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
138	B10138	Võ Ngọc Đức	18/8/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
139	B10139	Nguyễn Thị Dung	07/9/1993	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
140	B10140	Nguyễn Thị Thùy Dung	24/08/1986	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
141	B10141	Lê Thị Dung	19/02/1987	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
142	B10142	Phạm Thị Thùy Dung	15/12/1991	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
143	B10143	Trần Thị Kim Dung	20/4/1988	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
144	B10144	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/12/1987	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Ninh	
145	B10145	Nguyễn Thị Hồng Dung	01/10/1985	Nữ	Thư ký viên	Quảng Trị	
146	B10146	Trương Mỹ Dung	22/5/1982	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
147	B10147	Lê Thị Kim Dung	20/8/1982	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
148	B10148	Lương Thị Thanh Dung	31/7/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
149	B10149	Vũ Thị Thanh Dung	02/01/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
150	B10150	Đường Hạc Vương Dung	01/01/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
151	B10151	Nguyễn Thị Kim Dung	26/9/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
152	B10152	Lê Thị Dung	02/6/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
153	B10153	Giản Thị Dung	20/3/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
154	B10154	Lương Vũ Thùy Dung	09/12/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
155	B10155	Nguyễn Thị Dung	15/7/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
156	B10156	Nguyễn Thị Phương Dung	01/12/1988	Nữ	Thẩm tra viên	Tuyên Quang	
157	B10157	Trần Việt Dũng	12/12/1980	Nam	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	An Giang	
158	B10158	Nguyễn Chí Dũng	20/9/1987	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
159	B10159	Hoàng Ngọc Trung Dũng	12/5/1987	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
160	B10160	Phạm Chí Dũng	31/8/1987	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Ngãi	
161	B10161	Hoàng Văn Dũng	26/12/1976	Nam	Thư ký viên	Sơn La	
162	B10162	Trần Văn Dũng	15/5/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
163	B10163	Hà Huỳnh Tiến Dũng	08/7/1974	Nam	Thẩm tra viên chính, Phó Trưởng phòng	TP. Cần Thơ	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
164	B10164	Phạm Việt Dũng	18/8/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
165	B10165	Dương Tuấn Dũng	17/11/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
166	B10166	Trần Việt Dũng	10/12/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
167	B10167	Nguyễn Việt Dũng	06/11/1982	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
168	B10168	Đoàn Minh Dương	04/02/1990	Nam	Thư ký viên	An Giang	
169	B10169	Hoàng Xuân Thùy Dương	16/01/1990	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
170	B10170	Lý Văn Dương	20/6/1989	Nam	Thẩm tra viên, Phó Chánh Văn phòng	Nghệ An	
171	B10171	Đoàn Thị Thùy Dương	13/10/1991	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
172	B10172	Đào Công Dương	18/12/1973	Nam	Thư ký viên chính, Chánh Văn phòng	Sơn La	
173	B10173	Vũ Thủy Dương	12/8/1993	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
174	B10174	Nguyễn Văn Dương	30/10/1991	Nam	Thư ký viên	Thanh Hóa	
175	B10175	Vũ Đại Dương	27/02/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
176	B10176	Nguyễn Thùy Dương	07/10/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
177	B10177	Chu Quang Duy	25/4/1990	Nam	Thư ký viên	Bắc Ninh	
178	B10178	Đàm Thị Thu Duy	10/8/1986	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
179	B10179	Phan Khắc Duy	18/10/1987	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
180	B10180	Nguyễn Thành Duy	02/01/1988	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
181	B10181	Nguyễn Trần Thúy Duy	25/9/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
182	B10182	Huỳnh Thị Thúy Duy	28/12/1989	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
183	B10183	Trần Cẩm Duyên	21/3/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
184	B10184	Nguyễn Lê Hồng Duyên	15/8/1989	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
185	B10185	Hoàng Thị Kim Duyên	11/09/1991	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
186	B10186	Nguyễn Thị Hương Duyên	02/02/1993	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
187	B10187	Vũ Thị Duyên	10/5/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
188	B10188	Nguyễn Thị Duyên	25/03/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
189	B10189	Trương Văn Bình Em	19/7/1990	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
190	B10190	Hoàng Thị Gấm	26/03/1975	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
191	B10191	Quách Thị Giang	27/8/1988	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Chánh Văn phòng	Đắk Lắk	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
192	B10192	Huỳnh Nữ Hương Giang	02/02/1987	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
193	B10193	Ngô Thị Giang	07/6/1988	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
194	B10194	Nguyễn Thị Linh Giang	25/3/1982	Nữ	Thư ký viên	Hà Tĩnh	
195	B10195	Nguyễn Thị Hương Giang	25/3/1990	Nữ	Thư ký viên	Nghệ An	
196	B10196	Cà Thị Giang	01/4/1989	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
197	B10197	Nguyễn Triệu Giang	15/10/1988	Nam	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Thái Nguyên	
198	B10198	Lê Thị Linh Giang	30/12/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
199	B10199	Lê Thị Giang	07/11/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
200	B10200	Đào Xuân Giang	30/12/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
201	B10201	Nguyễn Trường Giang	20/08/1976	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
202	B10202	Huỳnh Thị Kim Giang	02/8/1977	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
203	B10203	Nguyễn Thị Việt Hà	14/11/1985	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
204	B10204	Lê Thị Ngọc Hà	28/7/1984	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Khánh Hòa	
205	B10205	Ngô Thái Hà	11/8/1988	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
206	B10206	Vy Thị Thu Hà	26/7/1982	Nữ	Thư ký viên	Lạng Sơn	
207	B10207	Dương Hữu Hà	21/8/1992	Nam	Thư ký viên	Lạng Sơn	
208	B10208	Nguyễn Thị Thúy Hà	07/10/1990	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Lào Cai	
209	B10209	Vũ Thái Hà	06/9/1991	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
210	B10210	Đặng Thu Hà	02/9/1990	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Lào Cai	
211	B10211	Phan Thanh Hà	02/5/1988	Nam	Thư ký viên	Nghệ An	
212	B10212	Vũ Thị Hà	27/7/1985	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Trị	
213	B10213	Lê Văn Hà	10/9/1990	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
214	B10214	Mạc Thị Hà	21/4/1988	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
215	B10215	Đỗ Thị Thu Hà	09/03/1991	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
216	B10216	Lê Thị Thu Hà	19/11/1987	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
217	B10217	Lê Thiên Hà	22/5/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
218	B10218	Đỗ Thị Ngọc Hà	01/01/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
219	B10219	Đinh Thị Hà	27/10/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
220	B10220	Lê Thị Thu Hà	21/01/1979	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
221	B10221	Nguyễn Thị Thu Hà	20/01/1981	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
222	B10222	Nguyễn Thị Hải Hà	22/02/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
223	B10223	Nguyễn Thị Hà	24/11/1979	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
224	B10224	Đào Thị Hà	03/12/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
225	B10225	Nguyễn Thị Hà	05/10/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
226	B10226	Lê Thị Thuý Hà	25/07/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
227	B10227	Nguyễn Thị Hà	26/01/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
228	B10228	Trịnh Thị Thu Hà	11/4/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
229	B10229	Nguyễn Thị Hải	02/02/1986	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
230	B10230	Đỗ Xuân Hải	10/10/1990	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
231	B10231	Vũ Quang Hải	20/2/1986	Nam	Thư ký viên	Ninh Bình	
232	B10232	Nông Thị Thu Hải	28/10/1985	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
233	B10233	Dương Đức Hải	28/3/1984	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
234	B10234	Phạm Thị Minh Hải	07/01/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
235	B10235	Bùi Quốc Hải	16/12/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
236	B10236	Vi Thanh Hải	02/12/1976	Nữ	Thư ký viên chính	TP. Hà Nội	
237	B10237	Nguyễn Thị Minh Hải	12/11/1979	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
238	B10238	Hoàng Minh Hải	05/10/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
239	B10239	Lê Thị Hân	16/01/1984	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
240	B10240	Đỗ Thị Thúy Hằng	01/6/1989	Nữ	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
241	B10241	Phạm Thị Hằng	25/08/1984	Nữ	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
242	B10242	La Thị Hằng	06/11/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Cao Bằng	
243	B10243	Võ Thị Thu Hằng	20/4/1985	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
244	B10244	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10/9/1993	Nữ	Thư ký viên	Hà Tĩnh	
245	B10245	Đinh Thị Hằng	02/4/1990	Nữ	Thẩm tra viên	Lai Châu	
246	B10246	Nguyễn Thị Thuý Hằng	08/02/1991	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Lâm Đồng	
247	B10247	Nguyễn Thị Thu Hằng	16/12/1992	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
248	B10248	Nguyễn Thị Hằng	20/10/1989	Nữ	Thư ký viên	Nghệ An	
249	B10249	Trịnh Thị Hằng	10/9/1984	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
250	B10250	Lê Thị Thuý Hằng	02/3/1992	Nữ	Thư ký viên	Quảng Trị	
251	B10251	Đỗ Thị Thanh Hằng	25/8/1997	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Sơn La	
252	B10252	Lê Thu Hằng	06/12/1980	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
253	B10253	Trần Thị Phương Hằng	17/10/1988	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
254	B10254	Trương Thị Hồng Hằng	01/11/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
255	B10255	Nguyễn Thị Hằng	15/06/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
256	B10256	Mai Thanh Hằng	26/3/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
257	B10257	Võ Thị Hằng	10/9/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
258	B10258	Trịnh Thị Hằng	20/10/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
259	B10259	Nguyễn Việt Hạnh	24/8/1988	Nam	Thư ký viên	An Giang	
260	B10260	Hoàng Thị Hạnh	10/8/1983	Nữ	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
261	B10261	Trần Thị Mỹ Hạnh	20/7/1992	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
262	B10262	Lê Thị Hạnh	19/09/1988	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
263	B10263	Võ Thị Liễu Hạnh	03/02/1991	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
264	B10264	Trần Thị Hạnh	02/02/1974	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
265	B10265	Hoàng Thị Hạnh	18/11/1988	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Lạng Sơn	
266	B10266	Đỗ Thị Hạnh	10/09/1982	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
267	B10267	Nguyễn Thị Hạnh	28/02/1985	Nữ	Thẩm tra viên chính	TP. Hà Nội	
268	B10268	Đỗ Thị Hồng Hạnh	15/01/1981	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
269	B10269	Phạm Thị Hiếu Hạnh	21/10/1979	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
270	B10270	Bùi Thị Hào	19/6/1992	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
271	B10271	Lương Thuý Hào	06/10/1992	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
272	B10272	Nguyễn Thị Hào	15/12/1984	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
273	B10273	Nguyễn Thị Hào	14/05/1979	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
274	B10274	Đinh Hữu Hào	07/08/1987	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
275	B10275	Nội Thị Hào	10/06/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
276	B10276	Thái Công Hậu	29/12/1993	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
277	B10277	Hoàng Thị Hậu	20/01/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
278	B10278	Phạm Thị Hiền	16/10/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
279	B10279	Nguyễn Thị Hiền	12/11/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
280	B10280	Đàng Sỹ Hiền	10/6/1985	Nam	Thẩm tra viên	Khánh Hòa	
281	B10281	Nguyễn Ngọc Thương Hiền	20/12/1990	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
282	B10282	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/9/1990	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
283	B10283	Lâm Thị Hiền	23/11/1993	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
284	B10284	Văn Thị Nguyễn Hiền	28/10/1992	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
285	B10285	Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền	22/8/1977	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
286	B10286	Cao Thị Hiền	20/7/1987	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
287	B10287	Đinh Thị Thu Hiền	15/6/1991	Nữ	Thư ký viên	Nghệ An	
288	B10288	Tào Văn Hai Hiền	02/7/1977	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	TP. Cần Thơ	
289	B10289	Nguyễn Thị Hiền	03/8/1989	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
290	B10290	Phan Thị Thu Hiền	19/6/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
291	B10291	Nguyễn Thị Hiền	29/8/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
292	B10292	Trần Thị Thu Hiền	13/6/1992	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
293	B10293	Phạm Quang Hiền	24/8/1990	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
294	B10294	Giang Tiến Hiệp	11/10/1992	Nam	Thư ký viên	Lai Châu	
295	B10295	Phạm Thị Hiệp	26/8/1990	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
296	B10296	Nguyễn Thị Minh Hiếu	26/02/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
297	B10297	Nguyễn Trọng Hiếu	9/9/1982	Nam	Thư ký viên	Ninh Bình	
298	B10298	Bùi Trung Hiếu	06/11/1987	Nam	Thư ký viên	Phú Thọ	
299	B10299	Tô Đình Hiếu	25/12/1981	Nam	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Thái Nguyên	
300	B10300	Nguyễn Đức Hiếu	11/11/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
301	B10301	Nguyễn Minh Hiếu	29/8/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
302	B10302	Nguyễn Duy Hiếu	02/02/1993	Nam	Thư ký viên	TP. Huế	
303	B10303	Ka Hít	10/05/1986	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
304	B10304	Lê Thị Mai Hoa	20/02/1992	Nữ	Thư ký viên	Cao Bằng	
305	B10305	Khổng Thị Hoa	02/4/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
306	B10306	Nông Thị Quỳnh Hoa	25/10/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
307	B10307	Hoàng Thị Thúy Hoa	20/10/1984	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
308	B10308	Đỗ Thị Thanh Hoa	18/5/1985	Nữ	Thư ký viên chính	Phú Thọ	
309	B10309	Nguyễn Thị Thanh Hoa	08/01/1984	Nữ	Thư ký viên chính	TP. Hà Nội	
310	B10310	Phạm Thị Mai Hoa	10/10/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
311	B10311	Đặng Thị Hòa	16/5/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
312	B10312	Phan Thị Hòa	16/7/1988	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
313	B10313	Nguyễn Hải Hòa	20/11/1988	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Nghệ An	
314	B10314	Nguyễn Văn Hòa	25/9/1986	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Quảng Ngãi	
315	B10315	Lê Khánh Hòa	15/9/1992	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Sơn La	
316	B10316	Hoàng Thị Thu Hoài	21/9/1989	Nữ	Thẩm tra viên	Bắc Ninh	
317	B10317	Trần Văn Hoài	25/3/1988	Nam	Thư ký viên	Nghệ An	
318	B10318	Đậu Thị Hải Hoài	23/7/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
319	B10319	Võ Thu Hoài	15/3/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
320	B10320	Hoàng Công Hoàn	17/12/1996	Nam	Thư ký viên	Điện Biên	
321	B10321	Hà Thị Hoàn	06/9/1987	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Thái Nguyên	
322	B10322	Vũ Viết Hoàn	27/10/1990	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Hải Phòng	
323	B10323	Hà Huy Hoàng	13/10/1990	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Lạng Sơn	
324	B10324	Lê Hoàng	30/8/1996	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
325	B10325	Nguyễn Lê Hoàng	27/6/1991	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Phú Thọ	
326	B10326	Nguyễn Xuân Hoàng	17/01/1985	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
327	B10327	Bùi Ngọc Khánh Hoàng	20/10/1993	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
328	B10328	Nguyễn Ánh Hồng	24/01/1988	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
329	B10329	Nguyễn Thị Ánh Hồng	07/4/1986	Nữ	Thư ký viên chính, Phó Trưởng phòng	Điện Biên	
330	B10330	Trần Thị Hồng	5/3/1990	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
331	B10331	Hoàng Văn Hồng	22/12/1990	Nam	Thư ký viên	Quảng Ninh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
332	B10332	Ngô Thị Hồng	23/9/1983	Nữ	Thư ký viên	Quảng Trị	
333	B10333	Vũ Thị Hồng	20/02/1983	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
334	B10334	Nguyễn Thị Hồng	14/5/1990	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
335	B10335	Nguyễn Thị Hồng	16/09/1979	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
336	B10336	Phạm Nguyễn Thanh Hồng	24/11/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
337	B10337	Đặng Thị Hồng	02/8/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
338	B10338	Nguyễn Thị Hồng	10/02/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
339	B10339	Nguyễn Văn Hồng	20/11/1996	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Tuyên Quang	
340	B10340	Trần Thị Tuyết Hồng	16/9/1987	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
341	B10341	Hà Thị Mai Huế	29/11/1991	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
342	B10342	Nguyễn Thị Thu Huế	30/6/1992	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
343	B10343	Vũ Thị Huế	28/5/1990	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Thái Nguyên	
344	B10344	Dương Thị Huệ	10/5/1987	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
345	B10345	Nguyễn Thị Huệ	23/06/1986	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
346	B10346	Đinh Thị Hồng Huệ	23/7/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Ninh Bình	
347	B10347	Hoàng Thị Huệ	10/5/1989	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
348	B10348	Nguyễn Thị Hương Huệ	13/02/1981	Nữ	Thư ký viên chính	Quảng Ninh	
349	B10349	Hồ Thị Hồng Huệ	30/10/1992	Nữ	Thư ký viên	Quảng Trị	
350	B10350	Trần Thị Huệ	12/10/1991	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
351	B10351	Hoàng Thị Bích Huệ	10/05/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
352	B10352	Nguyễn Xuân Hùng	12/9/1987	Nam	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Trở lại đơn vị TANDTC tại TP. Hà Chí Minh	
353	B10353	Trần Mạnh Hùng	20/3/1977	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
354	B10354	Trần Văn Hùng	19/7/1988	Nam	Thư ký viên	Thanh Hóa	
355	B10355	Nguyễn Bá Anh Hùng	27/7/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
356	B10356	Nguyễn Việt Hùng	10/12/1983	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
357	B10357	Lê Đắc Hùng	26/11/1978	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
358	B10358	Nguyễn Đăng Hùng	29/12/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
359	B10359	Nguyễn Văn Hùng	17/8/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
360	B10360	Lê Khánh Hưng	02/9/1979	Nam	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Bắc Ninh	
361	B10361	Tôn Trọng Hưng	22/7/1990	Nam	Thư ký viên	Bắc Ninh	
362	B10362	Nguyễn Văn Hưng	05/4/1992	Nam	Thư ký viên, Phó Trưởng phòng	Lâm Đồng	
363	B10363	Đoàn Thanh Hưng	26/07/1985	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
364	B10364	Tổng Lan Hương	11/3/1991	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
365	B10365	Dương Thị Hương	31/5/1990	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
366	B10366	Nguyễn Ngọc Tú Hương	01/01/1984	Nữ	Thẩm tra viên	Cà Mau	
367	B10367	Nông Thu Hương	04/11/1992	Nữ	Thư ký viên	Cao Bằng	
368	B10368	Đỗ Thị Lan Hương	02/6/1990	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
369	B10369	Vi Thị Hương	09/01/1991	Nữ	Thư ký viên	Lạng Sơn	
370	B10370	Đinh Thị Thanh Hương	11/7/1982	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
371	B10371	Trần Thị Thu Hương	25/12/1989	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
372	B10372	Nguyễn Thị Lan Hương	21/5/1988	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Phú Thọ	
373	B10373	Vũ Thị Lan Hương	15/11/1979	Nữ	Thư ký viên chính	Phú Thọ	
374	B10374	Đỗ Thị Hương	01/01/1985	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
375	B10375	Đặng Thị Lan Hương	30/3/1990	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
376	B10376	Trần Thị Mai Hương	27/09/1988	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
377	B10377	Phan Thị Hương	27/6/1985	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Sơn La	
378	B10378	Phan Thị Hương	01/3/1991	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
379	B10379	Lê Thị Hương	21/10/1982	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
380	B10380	Nguyễn Thị Hương	17/5/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
381	B10381	Nguyễn Thị Hương	30/10/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
382	B10382	Đinh Thị Thu Hương	19/07/1976	Nữ	Thẩm tra viên chính	TP. Hà Nội	
383	B10383	Phạm Thu Hương	10/04/1982	Nữ	Thư ký viên chính	TP. Hà Nội	
384	B10384	Nguyễn Thị Hương	20/02/1986	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
385	B10385	Lưu Thị Ngọc Hương	15/10/1981	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
386	B10386	Lê Thị Hương	19/9/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
387	B10387	Trịnh Thị Thanh Hương	28/10/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
388	B10388	Bùi Thị Lan Hương	21/03/1985	Nữ	Thẩm tra viên chính	Tuyên Quang	
389	B10389	Đào Chính Hường	14/11/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
390	B10390	Lê Thanh Hường	12/12/1989	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
391	B10391	Mai Nữ Thanh Hường	10/12/1987	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
392	B10392	Bùi Thị Hường	04/7/1991	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
393	B10393	Đồng Thị Hường	28/12/1991	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
394	B10394	Trần Thị Thu Hường	08/4/1981	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
395	B10395	Vũ Thị Thu Hường	05/8/1991	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
396	B10396	Lê Thị Hường	14/05/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
397	B10397	Đinh Thị Hường	08/04/1982	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
398	B10398	Nguyễn Thị Hường	15/02/1987	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
399	B10399	Dương Thị Hường	12/07/1988	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Tuyên Quang	
400	B10400	Bùi Quang Huy	13/3/1987	Nam	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
401	B10401	Nguyễn Phát Huy	19/9/1987	Nam	Thư ký viên	An Giang	
402	B10402	Cao Trần Khắc Huy	06/8/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
403	B10403	Trần Quốc Huy	09/10/1985	Nam	Thư ký viên	Sơn La	
404	B10404	Nguyễn Bá Huy	05/8/1988	Nam	Thư ký viên	Thanh Hóa	
405	B10405	Phạm Quang Huy	21/11/1985	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
406	B10406	Ngô Xuân Huy	07/12/1981	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
407	B10407	Vy Minh Huyền	12/8/1987	Nữ	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
408	B10408	Vũ Thị Thanh Huyền	27/5/1993	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
409	B10409	Nông Thị Thu Huyền	03/8/1989	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
410	B10410	Lê Thanh Huyền	02/9/1988	Nữ	Thư ký viên	Hà Tĩnh	
411	B10411	Nguyễn Thị Huyền	11/7/1986	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
412	B10412	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/12/1985	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Quảng Ngãi	
413	B10413	Nguyễn Thị Thanh Huyền	27/5/1988	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
414	B10414	Lại Thị Thanh Huyền	21/10/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
415	B10415	Võ Thị Ngọc Huyền	10/01/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
416	B10416	Mai Thị Thanh Huyền	20/6/1984	Nữ	Thư ký viên chính	TP. Hải Phòng	
417	B10417	Nguyễn Thị Thanh Huyền	09/10/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
418	B10418	Phạm Thị Thu Huyền	17/8/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
419	B10419	Nguyễn Hoàng Huynh	22/12/1985	Nam	Thư ký viên	An Giang	
420	B10420	Vũ Đức Huynh	22/4/1986	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Ngãi	
421	B10421	Y Sơ Mi Niê Kdăm	27/11/1988	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
422	B10422	Đặng Văn Kép	02/9/1991	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
423	B10423	Phạm Vũ Khắc	02/9/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
424	B10424	Lương Văn Khải	04/10/1985	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
425	B10425	Lê Hoàng Khâm	19/02/1974	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Vĩnh Long	
426	B10426	Nguyễn Chí Khánh	08/11/1988	Nam	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
427	B10427	Võ Thiện Khiêm	11/7/1984	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Vĩnh Long	
428	B10428	Trần Thu Khiêm	20/10/1987	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
429	B10429	Nguyễn Duy Khôi	12/8/1989	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
430	B10430	Nguyễn Hoàng Khôi	07/3/1990	Nam	Thư ký viên	Vĩnh Long	
431	B10431	Lê Minh Khương	03/8/1991	Nam	Thư ký viên	Vĩnh Long	
432	B10432	Bùi Thanh Khuyên	15/9/1990	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
433	B10433	Lê Thị Bích Khuyên	30/12/1990	Nữ	Thư ký viên	Hà Tĩnh	
434	B10434	Đinh Văn Khuyên	14/11/1991	Nam	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
435	B10435	Nguyễn Bá Kiên	05/02/1992	Nam	Thư ký viên	Nghệ An	
436	B10436	Trần Văn Kiên	8/7/1994	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Ninh Bình	
437	B10437	Hà Văn Kiên	24/4/1990	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Ngãi	
438	B10438	Nguyễn Trung Kiên	02/09/1981	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
439	B10439	Nguyễn Tấn Kiệt	10/5/1983	Nam	Thư ký viên	An Giang	
440	B10440	Diệp Bảo Kiệt	12/11/1984	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
441	B10441	Thị Thúy Kiều	13/02/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
442	B10442	Phạm Thị Phượng Kiều	16/01/1987	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
443	B10443	Trần Phụng Kiều	10/6/1992	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
444	B10444	Huỳnh Thị Thúy Kiều	21/7/1990	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
445	B10445	Bàn Thị Kiều	24/11/1992	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Thanh Hóa	
446	B10446	Ma Thị Vân Kiều	19/02/1989	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Chánh Văn phòng	Tuyên Quang	
447	B10447	Trần Thị Diễm Kiều	29/11/1992	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
448	B10448	Nguyễn Chí Kông	10/6/1983	Nam	Thẩm tra viên	Hưng Yên	
449	B10449	Đoàn Vũ Kim Kúc	01/5/1985	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
450	B10450	Trần Ngọc Ký	03/9/1987	Nam	Thư ký viên	An Giang	
451	B10451	Nguyễn Văn Kỳ	07/8/1986	Nam	Thẩm tra viên	Nghệ An	
452	B10452	Lê Thị Kỳ	05/4/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
453	B10453	Nguyễn Thị Lam	16/4/1991	Nữ	Thẩm tra viên	Đắk Lắk	
454	B10454	Trương Ngọc Lâm	15/4/1990	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
455	B10455	Nguyễn Vĩnh Lâm	18/01/1990	Nam	Thẩm tra viên	Vĩnh Long	
456	B10456	Hoàng Thị Lan	19/9/1989	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Lạng Sơn	
457	B10457	Nguyễn Thị Lan	18/10/1990	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
458	B10458	Lê Thị Ngọc Lan	11/01/1983	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
459	B10459	Võ Thị Phong Lan	19/05/1982	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
460	B10460	Trần Thị Hương Lan	16/03/1982	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
461	B10461	Nguyễn Thị Lan	10/05/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
462	B10462	Tương Thị Lan	23/11/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
463	B10463	Nguyễn Thị Lân	01/9/1989	Nữ	Thẩm tra viên	Lai Châu	
464	B10464	Quách Kim Lân	01/11/1993	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
465	B10465	Nguyễn Duy Lãng	01/8/1987	Nam	Thư ký viên	Phú Thọ	
466	B10466	Vương Tấn Lập	14/10/1983	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
467	B10467	Đỗ Xuân Lập	10/7/1983	Nam	Thư ký viên	Ninh Bình	
468	B10468	Phạm Thị Hồng Lê	16/09/1978	Nữ	Thư ký viên chính	TP. Hà Nội	
469	B10469	Nguyễn Mai Lệ	10/01/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
470	B10470	Nguyễn Thị Lên	01/10/1984	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Quảng Ngãi	
471	B10471	Lê Hoàng Liêm	19/4/1988	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
472	B10472	Nguyễn Văn Liêm	27/9/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
473	B10473	Nguyễn Thị Liên	12/8/1983	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
474	B10474	Tô Văn Liên	06/02/1986	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Lâm Đồng	
475	B10475	Nguyễn Thị Ngọc Liên	13/2/1982	Nữ	Thư ký viên chính	Ninh Bình	
476	B10476	Đào Thị Bích Liên	17/11/1988	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Phú Thọ	
477	B10477	Vũ Thị Phương Liên	15/9/1991	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
478	B10478	Lê Thị Liên	16/9/1981	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
479	B10479	Nguyễn Thị Thùy Liên	08/08/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
480	B10480	Trần Ngọc Linh	03/10/1992	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
481	B10481	Nguyễn Thùy Linh	11/11/1991	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
482	B10482	Cao Vũ Linh	11/5/1984	Nam	Thư ký viên	An Giang	
483	B10483	Phạm Thị Thuỳ Linh	28/6/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
484	B10484	Phan Hoàng Thùy Linh	06/9/1990	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
485	B10485	Lê Tuấn Linh	04/5/1992	Nam	Thư ký viên	Phú Thọ	
486	B10486	Hoàng Thị Khánh Linh	10/01/1988	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
487	B10487	Trương Văn Linh	10/05/1987	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
488	B10488	Lưu Thị Mỹ Linh	06/3/1991	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
489	B10489	Trần Lê Diệu Linh	05/4/1989	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
490	B10490	Lê Văn Linh	12/02/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
491	B10491	Phan Thị Hải Linh	17/01/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
492	B10492	Hoàng Thị Diệu Linh	11/12/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
493	B10493	Đinh Thị Thùy Linh	06/11/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
494	B10494	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/4/1993	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
495	B10495	Nguyễn Quý Linh	17/12/1983	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hải Phòng	
496	B10496	Nguyễn Tiến Linh	04/4/1987	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
497	B10497	Nguyễn Thị Linh	23/3/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
498	B10498	Nguyễn Thị Tuyết Linh	30/01/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
499	B10499	Nguyễn Thị Ngọc Linh	08/8/1988	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
500	B10500	Đoàn Công Hồng Lĩnh	02/7/1977	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
501	B10501	Thiều Tất Lơ	19/5/1989	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Điện Biên	
502	B10502	Đinh Thị Hoài Loan	29/12/1986	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
503	B10503	Nguyễn Thị Thu Loan	08/9/1983	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
504	B10504	Hoàng Thị Mai Loan	03/11/1990	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
505	B10505	Hoàng Thị Thúy Loan	29/4/1991	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
506	B10506	Phùng Thị Tố Loan	3/10/1980	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Thanh Hóa	
507	B10507	Ngô Thị Tiểu Loan	21/5/1990	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
508	B10508	Trần Ngô Khánh Loan	23/10/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
509	B10509	Ngô Thị Châu Loan	20/8/1983	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
510	B10510	Triệu Thị Loan	18/01/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
511	B10511	Phan Thị Kim Loan	13/6/1990	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
512	B10512	Trần Văn Lộc	11/9/1986	Nam	Thư ký viên	An Giang	
513	B10513	Trịnh Hữu Lợi	23/02/1990	Nam	Thư ký viên	An Giang	
514	B10514	Nguyễn Anh Lợi	13/4/1979	Nam	Thư ký viên chính	Phú Thọ	
515	B10515	Nguyễn Hoàng Long	03/4/1994	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
516	B10516	Đinh Thành Long	07/01/1988	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
517	B10517	Nguyễn Văn Long	01/01/1992	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
518	B10518	Nguyễn Hữu Long	20/4/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
519	B10519	Lê Đức Long	10/3/1974	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hải Phòng	
520	B10520	Dương Thị Ngọc Lữ	18/4/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
521	B10521	Nguyễn Thị Lụa	16/6/1983	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	
522	B10522	Nguyễn Minh Luân	13/6/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
523	B10523	Lê Trọng Luân	12/8/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
524	B10524	Bùi Thành Luân	04/10/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
525	B10525	Hoàng Tiến Lực	10/01/1976	Nam	Thẩm tra viên	Quảng Trị	
526	B10526	Đinh Ngọc Lương	17/10/1986	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
527	B10527	Nguyễn Thị Lương	14/10/1990	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
528	B10528	Trương Thị Hiền Lương	20/7/1992	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
529	B10529	Phạm Thị Bích Lương	03/10/1983	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
530	B10530	Nguyễn Thị Ly	24/7/1985	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	
531	B10531	Vũ Thị Khánh Ly	25/3/1985	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
532	B10532	Giáp Thị Thu Ly	10/12/1987	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
533	B10533	Phan Thị Mai Ly	20/10/1986	Nữ	Thư ký viên	Quảng Trị	
534	B10534	Đỗ Thị Hiếu Ly	20/01/1987	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Tây Ninh	
535	B10535	Phạm Lê Mai Ly	02/08/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
536	B10536	Nguyễn Hoàng Trúc Ly	02/7/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
537	B10537	Trần Thị Trúc Ly	12/01/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
538	B10538	Phạm Anh Ly	01/01/1984	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
539	B10539	Lê Ngọc Mai	03/9/1986	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
540	B10540	Hoàng Thị Mai	15/02/1987	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
541	B10541	Cao Thị Mai	15/4/1990	Nữ	Thẩm tra viên	Lâm Đồng	
542	B10542	Nguyễn Thị Mai	06/02/1991	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
543	B10543	Nguyễn Thị Ngọc Mai	07/02/1991	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
544	B10544	Phạm Thị Tuyết Mai	11/9/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
545	B10545	Nguyễn Thị Mai	01/01/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
546	B10546	Nguyễn Hữu Mạnh	29/10/1976	Nam	Thư ký viên	Thái Nguyên	
547	B10547	Nguyễn Văn Mạnh	05/04/1978	Nam	Thẩm tra viên	TP. Đồng Nai	
548	B10548	Trần Văn Mạnh	10/5/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
549	B10549	Phan Đình Mão	07/02/1988	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
550	B10550	Nguyễn Văn Mau	27/7/1986	Nam	Thư ký viên	An Giang	
551	B10551	Lê Thị Mạ	24/1/1987	Nữ	Thẩm tra viên	Đắk Lắk	
552	B10552	Nguyễn Hà Mi	21/6/1989	Nữ	Thư ký viên	Lạng Sơn	
553	B10553	Hồ Văn Mil	20/01/1983	Nam	Thư ký viên chính	Cà Mau	
554	B10554	Đào Công Minh	16/3/1982	Nam	Thư ký viên	An Giang	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
555	B10555	Phạm Nhật Minh	22/05/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
556	B10556	Nguyễn Thị Minh	22/12/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Lạng Sơn	
557	B10557	Hồ Thị Minh	28/02/1985	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Ninh	
558	B10558	Cao Thị Minh	01/01/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
559	B10559	Phạm Thị Nguyệt Minh	23/11/1987	Nữ	Thẩm tra viên chính, Phó Trưởng phòng	TP. Hải Phòng	
560	B10560	Trần Thanh Mộng	01/01/1991	Nam	Thẩm tra viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Cần Thơ	
561	B10561	Nguyễn Văn Mừng	12/7/1986	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Ninh Bình	
562	B10562	Trần Thị Trà My	20/10/1987	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
563	B10563	Hoàng Thị Diễm My	10/01/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
564	B10564	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	28/8/1991	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
565	B10565	Trang Hoàng Mỹ	23/7/1986	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
566	B10566	Lâm Xuân Mỹ	01/9/1991	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
567	B10567	Hà Thị Mai Na	24/4/1991	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
568	B10568	Nguyễn Duy Nam	22/10/1987	Nam	Thẩm tra viên chính, Phó Trưởng phòng	Văn phòng TANDTC	
569	B10569	Phạm Văn Nam	10/5/1991	Nam	Thư ký viên	Bắc Ninh	
570	B10570	Hoàng Văn Nam	15/03/1985	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
571	B10571	Hồ Quốc Nam	06/11/1986	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
572	B10572	Đoàn Quốc Nam	13/12/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
573	B10573	Tạ Ngọc Nam	18/10/1987	Nam	Thẩm tra viên chính	Hung Yên	
574	B10574	Nguyễn Thị Lệ Nam	18/10/1987	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
575	B10575	Phạm Đình Nam	12/5/1977	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
576	B10576	Lê Văn Nam	02/3/1979	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
577	B10577	Nguyễn Trọng Nam	22/3/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
578	B10578	Hoàng Thị Năm	17/5/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
579	B10579	Quảng Hồng Nét	18/10/1988	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
580	B10580	Phạm Thị Thanh Nga	09/02/1986	Nữ	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra III	
581	B10581	Đoàn Thị Thúy Nga	07/9/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
582	B10582	Hà Thị Vân Nga	08/7/1981	Nữ	Thư ký viên	Hà Tĩnh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
583	B10583	Hoàng Thị Thanh Nga	16/10/1989	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
584	B10584	Nguyễn Thị Nga	28/11/1990	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
585	B10585	Nguyễn Thị Thu Nga	27/12/1981	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
586	B10586	Hà Thị Nga	23/5/1983	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
587	B10587	Trần Thị Tố Nga	26/4/1985	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Đà Nẵng	
588	B10588	Hồ Thị Nga	23/10/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
589	B10589	Đỗ Thị Nga	10/7/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
590	B10590	Hoàng Thị Phi Nga	02/11/1979	Nữ	Thư ký viên chính	TP. Hà Nội	
591	B10591	Trần Thị Nguyệt Nga	02/10/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
592	B10592	Đặng Thị Nga	10/6/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
593	B10593	Hoàng Thị Thu Nga	26/12/1991	Nữ	Thư ký viên	Lạng Sơn	
594	B10594	Trần Ngọc Nga	29/9/1992	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
595	B10595	Nguyễn Thị Ngân	01/01/1988	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
596	B10596	Phạm Tuyết Ngân	19/4/1990	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
597	B10597	Nguyễn Thị Ngân	14/5/1987	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
598	B10598	Nguyễn Thị Ngân	07/5/1990	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
599	B10599	Vũ Thị Hương Ngân	17/01/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
600	B10600	Phạm Thị Kim Ngân	18/10/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
601	B10601	Trần Mộng Nghi	02/01/1988	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
602	B10602	Trần Thị Nghi	10/11/1983	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
603	B10603	Trần Trọng Nghĩa	06/3/1990	Nam	Thẩm tra viên, Phó Chánh Văn phòng	Nghệ An	
604	B10604	Đỗ Văn Nghiêm	20/9/1991	Nam	Thư ký Tòa án	Khánh Hòa	
605	B10605	Nguyễn Thị Nghiệp	19/4/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Hải Phòng	
606	B10606	Lê Thị Ngoãn	27/9/1986	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
607	B10607	Đinh Như Ngọc	29/01/1989	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
608	B10608	Nguyễn Thị Yến Ngọc	02/5/1992	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
609	B10609	Nguyễn Thị Ngọc	17/9/1986	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
610	B10610	Tạ Thị Bích Ngọc	08/02/1985	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
611	B10611	Võ Thị Bảo Ngọc	16/06/1992	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
612	B10612	Lê Thị Kim Ngọc	09/3/1992	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
613	B10613	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	03/3/1991	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
614	B10614	Phan Thị Bích Ngọc	06/3/1985	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
615	B10615	Lê Viết Ngọc	18/10/1985	Nam	Thẩm tra viên	Nghệ An	
616	B10616	Hoàng Thị Ngọc	19/5/1989	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
617	B10617	Nguyễn Thị Minh Ngọc	08/02/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
618	B10618	Trần Võ Quỳnh Ngọc	12/02/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
619	B10619	Mai Ánh Ngọc	04/5/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
620	B10620	Nguyễn Thị Ngọt	17/08/1987	Nữ	Thẩm tra viên chính	TP. Hà Nội	
621	B10621	Phan Đình Nguyên	17/5/1989	Nam	Thư ký viên	An Giang	
622	B10622	Nguyễn Thảo Nguyên	22/1/1986	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
623	B10623	Lê Sỹ Nguyên	24/4/1982	Nam	Thẩm tra viên	TP. Đồng Nai	
624	B10624	Vũ Cao Nguyên	11/02/1990	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	TP. Hải Phòng	
625	B10625	Vũ Thị Hồng Nguyên	13/3/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
626	B10626	Nguyễn Hữu Nguyên	06/10/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
627	B10627	Hứa Như Nguyên	24/4/1983	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
628	B10628	Phan Thị Thanh Nguyệt	24/01/1989	Nữ	Thẩm tra viên	Đắk Lắk	
629	B10629	Đoàn Khánh Nguyệt	29/01/1994	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
630	B10630	Lê Thị Ngọc Nguyệt	28/3/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
631	B10631	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	27/05/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
632	B10632	Nguyễn Thị Nguyệt	25/8/1983	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
633	B10633	Huỳnh Thị Hồng Nhà	25/3/1990	Nữ	Thẩm tra viên	Vĩnh Long	
634	B10634	Nguyễn Duy Nhân	03/7/1986	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
635	B10635	Lê Thị Thanh Nhân	27/11/1988	Nữ	Thư ký viên, Phó Trưởng phòng	Quảng Trị	
636	B10636	Đoàn Thế Nhân	01/01/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
637	B10637	Chiêm Tiên Quý Nhân	10/6/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
638	B10638	Huỳnh Bích Nhân	04/10/1987	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
639	B10639	Nguyễn Đình Nhất	13/07/1986	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Tuyên Quang	
640	B10640	Lê Văn Nhật	22/5/1988	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Hung Yên	
641	B10641	Cao Chánh Nhật	16/3/1986	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
642	B10642	Nguyễn Minh Nhật	19/8/1986	Nam	Thẩm tra viên	TP. Đà Nẵng	
643	B10643	Nguyễn Thị Nhi	10/11/1987	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Chánh Văn phòng	An Giang	
644	B10644	Cao Thị Mỹ Nhiên	16/11/1993	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
645	B10645	Đỗ Hồng Như	12/02/1991	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
646	B10646	Nguyễn Bích Như	12/11/1989	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
647	B10647	Đặng Thị Ngọc Như	02/01/1988	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
648	B10648	Phạm Thị Huỳnh Như	15/02/1992	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
649	B10649	Nguyễn Quỳnh Như	27/05/1990	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
650	B10650	Nguyễn Kim Nhuận	30/10/1977	Nữ	Thư ký viên chính	An Giang	
651	B10651	Vi Thị Nhuận	10/8/1987	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Nghệ An	
652	B10652	Hoàng Thị Nhung	09/6/1989	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
653	B10653	Đỗ Thị Hồng Nhung	26/05/1987	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
654	B10654	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	28/4/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Điện Biên	
655	B10655	Nguyễn Trần Hồng Nhung	15/8/1991	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
656	B10656	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	01/01/1992	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
657	B10657	Đỗ Thị Nhung	15/10/1986	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
658	B10658	Hà Thị Hồng Nhung	26/9/1989	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
659	B10659	Nguyễn Thị Nhung	09/4/1984	Nữ	Thư ký chính	Quảng Ninh	
660	B10660	Ma Thị Huyền Nhung	16/10/1987	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
661	B10661	Cao Thị Nhung	01/7/1988	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
662	B10662	Trần Thị Tuyết Nhung	30/7/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
663	B10663	Trần Tuyết Nhung	14/02/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
664	B10664	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
665	B10665	Lê Thị Hồng Nhung	27/6/1989	Nữ	Thẩm tra viên	Vĩnh Long	
666	B10666	Trần Ngọc Niềm	08/02/1981	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	TP. Cần Thơ	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
667	B10667	Nguyễn Quảng Ninh	02/02/1990	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
668	B10668	Trần Văn Ninh	09/7/1992	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
669	B10669	Nguyễn Thị Mỹ Nương	28/8/1990	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
670	B10670	Hoàng Thị Kim Oanh	01/9/1991	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
671	B10671	Đào Hoàng Oanh	30/7/1992	Nữ	Thư ký viên	Điện Biên	
672	B10672	Đỗ Ngọc Yến Oanh	29/5/1989	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
673	B10673	Trần Thị Kiều Oanh	18/12/1989	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Nghệ An	
674	B10674	Phùng Thị Oanh	29/6/1984	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
675	B10675	Nguyễn Thị Mai Oanh	17/08/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
676	B10676	Đỗ Thị Kim Oanh	08/10/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
677	B10677	Hồ Thị Như Oanh	03/6/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
678	B10678	Phan Thị Hồng Pha	15/10/1987	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
679	B10679	Nguyễn Trương Phi	13/01/1987	Nam	Thư ký viên	An Giang	
680	B10680	Bùi Vũ Phong	01/01/1991	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
681	B10681	Hà Tấn Phong	09/11/1992	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
682	B10682	Lê Quốc Phong	04/6/1997	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
683	B10683	Kiều Vĩnh Phong	24/11/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
684	B10684	Nguyễn Thị Phú	12/10/1991	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
685	B10685	Chu Ngọc Phú	05/11/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
686	B10686	Vũ Thi Hồng Phúc	20/11/1988	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
687	B10687	Nguyễn Công Phúc	04/07/1987	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
688	B10688	Lê Thanh Phúc	28/3/1988	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
689	B10689	Phan Thị Hồng Phúc	23/11/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
690	B10690	Khuất Tiến Phúc	28/08/1983	Nam	Thẩm tra viên chính	TP. Hà Nội	
691	B10691	Bùi Thị Mỹ Phúc	06/4/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
692	B10692	Nguyễn Thành Phục	21/02/1991	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
693	B10693	Ngô Thị Phụng	18/4/1986	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hồ Chí Minh	
694	B10694	Đỗ Minh Phước	03/02/1986	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
695	B10695	Hoàng Thị Nhật Phương	03/8/1988	Nữ	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
696	B10696	Đào Chúc Phương	01/01/1986	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
697	B10697	Vi Thị Lan Phương	16/11/1990	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
698	B10698	Nguyễn Thị Thúy Phương	02/5/1985	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
699	B10699	Thùy Sơn Phương	05/9/1988	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
700	B10700	Lường Thị Phương	06/8/1989	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
701	B10701	Vũ Hoàng Phương	27/02/1988	Nữ	Thư ký viên	Nghe An	
702	B10702	Nguyễn Đức Phương	10/3/1986	Nam	Thẩm tra viên chính	Phú Thọ	
703	B10703	Tô Thị Lan Phương	05/6/1991	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
704	B10704	Đoàn Thị Thùy Phương	12/05/1992	Nữ	Thư ký viên	Quảng Trị	
705	B10705	Trần Ánh Phương	10/10/1984	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Trị	
706	B10706	Võ Thị Cúc Phương	13/11/1983	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Trị	
707	B10707	Vũ Thị Mai Phương	06/5/1991	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
708	B10708	Trần Minh Phương	27/8/1992	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
709	B10709	Trương Văn Phương	17/10/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
710	B10710	Hồ Thị Thanh Phương	29/5/1987	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Đồng Nai	
711	B10711	Ngô Thị Bích Phương	11/02/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
712	B10712	Nguyễn Thị Hải Phương	01/08/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
713	B10713	Nguyễn Hà Phương	26/5/1996	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
714	B10714	Trần Thị Mai Phương	22/9/1984	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hải Phòng	
715	B10715	Phạm Ngọc Phương	03/3/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
716	B10716	Lê Thị Mai Phương	06/11/1981	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hồ Chí Minh	
717	B10717	Lương Thị Hoài Phương	13/12/1983	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
718	B10718	Võ Thị Việt Phương	07/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
719	B10719	Hoàng Thị Thảo Phương	06/01/1980	Nữ	Thư ký viên	Tuyên Quang	
720	B10720	Nguyễn Huỳnh Trúc Phương	19/4/1984	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
721	B10721	Hoàng Thị Phương	11/3/1986	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
722	B10722	Trần Thị Bích Phương	2/12/1984	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
723	B10723	Khuong Thị Phụng	28/9/1988	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
724	B10724	Đàm Nguyễn Phụng	20/11/1992	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
725	B10725	Bùi Thị Hồng Phụng	18/7/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
726	B10726	Bế Thị Phụng	08/01/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
727	B10727	Bùi Nhật Vi Phụng	09/5/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
728	B10728	Lý Thị Qual	25/02/1990	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
729	B10729	Hoàng Văn Quán	01/02/1986	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Tuyên Quang	
730	B10730	Nguyễn Hữu Quân	08/11/1975	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
731	B10731	Phan Khắc Quân	10/11/1990	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
732	B10732	Nguyễn Ngọc Quân	20/9/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
733	B10733	Lê Đỗ Hồng Quân	03/9/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
734	B10734	Nguyễn Thành Quang	08/3/1986	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
735	B10735	Hà Đức Quang	08/01/1986	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
736	B10736	Vũ Đức Quang	05/09/1985	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
737	B10737	Phan Thái Quang	23/10/1984	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Lào Cai	
738	B10738	Trương Hồng Quang	15/02/1977	Nam	Thư ký viên chính	Quảng Trị	
739	B10739	Phạm Xuân Quảng	15/4/1985	Nam	Thư ký viên	Nghệ An	
740	B10740	Lê Thị Mỹ Quý	21/5/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
741	B10741	Trần Việt Quốc	20/8/1984	Nam	Thẩm tra viên	Lâm Đồng	
742	B10742	Nguyễn Bảo Quốc	06/11/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
743	B10743	Trương Thị Quý	20/02/1990	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
744	B10744	Mai Thị Quyên	17/8/1991	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
745	B10745	Hồ Thị Quyên	04/4/1989	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
746	B10746	Phạm Thị Ngọc Quyên	09/12/1989	Nữ	Thẩm tra viên	Nghệ An	
747	B10747	Phan Thị Hạ Quyên	21/5/1985	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
748	B10748	Trương Thị Thảo Quyên	07/5/1993	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
749	B10749	Phạm Lệ Quyên	17/05/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
750	B10750	Lê Ngọc Tú Quyên	06/5/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
751	B10751	Trần Thị Quyên	12/7/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
752	B10752	Phùng Quyết	22/9/1991	Nam	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra IV	
753	B10753	Phạm Thu Quỳnh	01/9/1990	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
754	B10754	Phạm Thị Quỳnh	27/7/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
755	B10755	Trịnh Như Quỳnh	14/5/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
756	B10756	Thái Lê Quỳnh	18/01/1987	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
757	B10757	Đỗ Trúc Quỳnh	10/11/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
758	B10758	Nguyễn Nữ Như Quỳnh	20/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
759	B10759	Lê Quan Rin	02/7/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
760	B10760	Danh Thị Sà Ron	30/01/1986	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
761	B10761	Nguyễn Thị Ngọc San	10/10/1989	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
762	B10762	Trần Quốc Sang	15/5/1992	Nam	Thư ký viên	An Giang	
763	B10763	Phan Thanh Sang	01/7/1989	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
764	B10764	Hà Văn Sáng	12/10/1984	Nam	Thư ký viên chính	Gia Lai	
765	B10765	Hồ A Say	30/4/1986	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Lào Cai	
766	B10766	Phạm Thị Sen	10/10/1990	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
767	B10767	Nguyễn Thị Sinh	13/10/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
768	B10768	Phạm Thị Soan	29/10/1983	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
769	B10769	Trần Xuân Sơn	14/4/1991	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
770	B10770	Phùng Trung Sơn	20/9/1987	Nam	Thư ký viên	Lai Châu	
771	B10771	Trịnh Văn Sơn	28/3/1984	Nam	Thư ký viên	Ninh Bình	
772	B10772	Nguyễn Trường Sơn	21/4/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
773	B10773	Nguyễn Thị Minh Sự	30/12/1981	Nữ	Thư ký viên chính	Bắc Ninh	
774	B10774	Trần Thế Sự	20/10/1992	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Tây Ninh	
775	B10775	Nay Y Sưa	30/3/1988	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
776	B10776	Lương Huỳnh Phúc Tài	01/02/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
777	B10777	Đỗ Minh Tâm	21/07/1972	Nam	Thẩm tra viên	An Giang	
778	B10778	Nguyễn Thanh Tâm	06/11/1987	Nam	Thư ký viên	An Giang	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
779	B10779	Đặng Văn Tâm	30/04/1981	Nam	Thư ký viên	An Giang	
780	B10780	Nguyễn Cao Thanh Tâm	05/03/1986	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
781	B10781	Trần Thị Tâm	14/6/1991	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
782	B10782	Tạ Minh Tâm	20/11/1985	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Ninh Bình	
783	B10783	Trịnh Đức Tâm	04/10/1986	Nam	Thư ký viên	Quảng Ninh	
784	B10784	Lê Ngọc Tâm	19/5/1993	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
785	B10785	Lê Trọng Tâm	28/02/1986	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
786	B10786	Phạm Hồng Tâm	27/4/1985	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
787	B10787	Đặng Thị Minh Tâm	03/7/1992	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
788	B10788	Nguyễn Thị Tâm	03/4/1984	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Đồng Nai	
789	B10789	Phạm Ngọc Tâm	10/4/1976	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
790	B10790	Nguyễn Thị Tâm	05/6/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
791	B10791	Lưu Chí Tâm	21/10/1990	Nam	Thư ký viên	Vĩnh Long	
792	B10792	Nguyễn Bá Hồng Tân	16/10/1989	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
793	B10793	Nguyễn Minh Tân	22/8/1990	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Cần Thơ	
794	B10794	Nguyễn Văn Tấn	25/9/1989	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
795	B10795	Trần Quang Tất	22/4/1983	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Ninh Bình	
796	B10796	Phạm Thị Mỹ Tây	24/01/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
797	B10797	Phan Văn Thạch	25/11/1985	Nam	Thư ký viên	Gia Lai	
798	B10798	Nguyễn Văn Thái	24/10/1988	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
799	B10799	Hứa Quốc Thái	19/12/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
800	B10800	Đào Hùng Thái	01/01/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
801	B10801	Trần Thị Hồng Thắm	12/5/1986	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
802	B10802	Lê Minh Thắm	15/3/1989	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
803	B10803	Nguyễn Thị Thắm	30/7/1989	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
804	B10804	Phạm Thị Hồng Thắm	25/7/1991	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
805	B10805	Bùi Thị Thắm	15/01/1991	Nữ	Thẩm tra viên	Phú Thọ	
806	B10806	Trần Thị Thắm	10/6/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
807	B10807	Ngô Phúc Thắm	22/12/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
808	B10808	Phạm Thị Thân	10/01/1980	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
809	B10809	Sùng A Thắng	28/9/1991	Nam	Thư ký viên	Lai Châu	
810	B10810	Phan Trọng Thắng	04/9/1989	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
811	B10811	Nguyễn Vũ Thắng	24/12/1979	Nam	Thẩm tra viên	TP. Đà Nẵng	
812	B10812	Hoàng Mạnh Thắng	11/01/1980	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
813	B10813	Lương Ngọc Thắng	07/08/1977	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
814	B10814	Dương Đức Thắng	05/7/1997	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
815	B10815	Nguyễn Trung Thắng	22/02/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
816	B10816	Mai Thị Thanh	01/6/1990	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
817	B10817	Lê Thị Thanh	01/9/1992	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Quảng Ngãi	
818	B10818	Hoàng Thị Hoài Thanh	24/10/1985	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
819	B10819	Nguyễn Thị Thanh	20/5/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
820	B10820	Nguyễn Kim Thanh	08/02/1977	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Hải Phòng	
821	B10821	Tăng Thị Hồng Thanh	02/8/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
822	B10822	Lê Thị Thanh	22/9/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
823	B10823	Trần Thị Thanh	17/6/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
824	B10824	Hồ Thị Chí Thanh	23/9/1978	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hồ Chí Minh	
825	B10825	Phạm Tiến Thành	05/8/1991	Nam	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
826	B10826	Nguyễn Đình Thành	06/7/1990	Nam	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
827	B10827	Lê Minh Thành	27/12/1993	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
828	B10828	Nguyễn Tuấn Thành	21/4/1988	Nam	Thư ký viên	Hưng Yên	
829	B10829	Phạm Khánh Thành	02/9/1988	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
830	B10830	Kiều Thị Thành	24/3/1990	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
831	B10831	Nguyễn Văn Thành	20/3/1989	Nam	Thư ký viên	Phú Thọ	
832	B10832	Lê Ngọc Thành	20/10/1982	Nam	Thư ký viên	Thanh Hóa	
833	B10833	Huỳnh Tấn Thành	25/01/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
834	B10834	Nguyễn Văn Thành	06/7/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
835	B10835	Phùng Thế Thành	12/01/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
836	B10836	Hoàng Chí Thành	03/02/1984	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
837	B10837	Nguyễn Thị An Thành	28/01/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
838	B10838	Nguyễn Thị Thảo	06/7/1984	Nữ	Thẩm tra viên chính, Phó Trưởng phòng	Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao	
839	B10839	Đinh Thị Thảo	14/4/1990	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Đắk Lắk	
840	B10840	Trần Thị Thảo	07/7/1978	Nữ	Thư ký viên chính	Gia Lai	
841	B10841	Trần Thị Thanh Thảo	28/9/1980	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Ninh Bình	
842	B10842	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/01/1988	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
843	B10843	Lê Thị Thu Thảo	05/9/1993	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
844	B10844	Nguyễn Thị Thu Thảo	14/3/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
845	B10845	Nguyễn Thị Thu Thảo	12/8/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
846	B10846	Nguyễn Hoàng Yên Thảo	06/6/1993	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
847	B10847	Trần Thị Thanh Thảo	02/7/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
848	B10848	Đinh Thị Phương Thảo	28/8/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
849	B10849	Hoàng Thị Phương Thảo	03/12/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
850	B10850	Đoàn Thị Phương Thảo	27/11/1982	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
851	B10851	Phạm Thị Phương Thảo	14/08/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
852	B10852	Phạm Thị Thảo	17/11/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
853	B10853	Trần Thị Thảo	23/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
854	B10854	Lý Ngọc Thảo	05/6/1984	Nữ	Thư ký viên chính	Vĩnh Long	
855	B10855	Phạm Đình Thảo	03/8/1984	Nam	Thư ký viên	Vĩnh Long	
856	B10856	Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo	02/03/1987	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
857	B10857	Trần Thị Bé Thảo	20/10/1990	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
858	B10858	Võ Minh Thế	26/7/1992	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
859	B10859	Nguyễn Trọng Thế	05/7/1983	Nam	Thư ký viên	Hung Yên	
860	B10860	Trần Kim Thia	14/5/1991	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
861	B10861	Hà Hoa Thiên	15/12/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
862	B10862	CLâu Thìn	10/4/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
863	B10863	Phan Tấn Thịnh	15/04/1994	Nam	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
864	B10864	Đỗ Hưng Thịnh	12/02/1985	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hà Nội	
865	B10865	Hoàng Thị Anh Thơ	22/7/1989	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
866	B10866	Nguyễn Thị Kim Thơ	14/09/1991	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
867	B10867	Phạm Tiểu Thơ	01/11/1981	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
868	B10868	Phạm Ngọc Thy Thơ	06/02/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
869	B10869	Lê Thanh Thọ	10/5/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Huế	
870	B10870	Ma Thị Thoa	25/8/1987	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Thái Nguyên	
871	B10871	Nguyễn Thị Thanh Thoán	18/6/1988	Nữ	Thẩm tra viên	Vĩnh Long	
872	B10872	Lê Thị Cẩm Thoang	01/01/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
873	B10873	Dương Thị Thơm	28/04/1978	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
874	B10874	Nguyễn Văn Thống	11/8/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
875	B10875	Nguyễn Minh Thu	17/01/1989	Nữ	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
876	B10876	Trần Diễm Thu	02/10/1979	Nữ	Thư ký viên, Phó Trưởng phòng	An Giang	
877	B10877	Dương Thị Mộng Thu	24/03/1984	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
878	B10878	Thào A Thu	15/6/1992	Nam	Thư ký viên	Điện Biên	
879	B10879	Nguyễn Thị Lệ Thu	01/01/1990	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Tây Ninh	
880	B10880	Nguyễn Thị Thu	20/6/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
881	B10881	Đinh Thị Thu	09/6/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
882	B10882	Nguyễn Thị Thu	02/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
883	B10883	Nguyễn Lê Anh Thư	18/5/1989	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
884	B10884	Lê Thị Thư	13/11/1983	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
885	B10885	Nguyễn Quỳnh Anh Thư	20/9/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
886	B10886	Nguyễn Ngọc Anh Thư	04/3/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
887	B10887	Đỗ Lê Quỳnh Thư	05/5/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
888	B10888	Hoàng Quang Thụ	20/3/1990	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Cao Bằng	
889	B10889	Tô Văn Thừa	14/01/1983	Nam	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
890	B10890	Nguyễn Văn Thuận	21/11/1977	Nam	Thẩm tra viên	An Giang	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
891	B10891	Lê Thị Thuận	15/5/1984	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
892	B10892	Nguyễn Bá Thuận	26/12/1982	Nam	Thư ký viên chính	Hưng Yên	
893	B10893	Nguyễn Minh Thuận	15/10/1992	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Cần Thơ	
894	B10894	Nguyễn Thị Bích Thuận	14/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
895	B10895	Lê Thị Thuận	30/4/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
896	B10896	Đặng Chí Thức	17/8/1988	Nam	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	
897	B10897	Hồ Thị Thương	19/8/1987	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
898	B10898	Nguyễn Thị Thương	06/10/1990	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
899	B10899	Nguyễn Thị Hoài Thương	07/10/1982	Nữ	Thư ký viên chính	Quảng Trị	
900	B10900	Hoàng Thị Mỹ Thương	04/02/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
901	B10901	Trần Duy Thường	20/2/1984	Nam	Thư ký viên	Ninh Bình	
902	B10902	Huỳnh Thị Thanh Thủy	06/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
903	B10903	Nguyễn Thị Thủy	16/11/1989	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
904	B10904	Tăng Thị Thủy	28/6/1984	Nữ	Thư ký viên chính	Quảng Ninh	
905	B10905	Hoàng Thị Thủy	25/9/1987	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Hải Phòng	
906	B10906	Vũ Bích Thủy	20/11/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
907	B10907	Nguyễn Thị Thủy	06/9/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
908	B10908	Hồ Diệu Thủy	16/8/1989	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh	
909	B10909	Trương Thị Thủy	15/3/1991	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
910	B10910	Đặng Thị Thủy	02/8/1987	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
911	B10911	Lê Thanh Thủy	11/6/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
912	B10912	Trương Thị Thủy	21/6/1986	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	TP. Hải Phòng	
913	B10913	Nguyễn Thị Phương Thủy	10/7/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
914	B10914	Trần Thị Ngọc Thủy	07/4/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
915	B10915	Phạm Thị Thu Thùy	02/9/1991	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
916	B10916	Khổng Phương Thùy	17/12/1990	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
917	B10917	Lê Thị Thùy	08/10/1981	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Hồ Chí Minh	
918	B10918	Lê Thị Thùy	17/11/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
919	B10919	Ngô Thị Thủy	21/10/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
920	B10920	Hạp Thị Thu Thủy	26/8/1992	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
921	B10921	Nguyễn Võ Thu Thủy	05/11/1989	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
922	B10922	Dương Thị Thủy	10/8/1991	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
923	B10923	Phạm Thị Thủy	30/01/1989	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
924	B10924	Nguyễn Thanh Thủy	16/3/1992	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
925	B10925	Trương Thị Thu Thủy	04/11/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
926	B10926	Phạm Thị Thanh Thủy	08/12/1981	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
927	B10927	Đinh Thị Thủy	27/11/1983	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
928	B10928	Nguyễn Thanh Thủy	24/04/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
929	B10929	Nguyễn Thị Bích Thủy	25/9/1981	Nữ	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	TP. Hải Phòng	
930	B10930	Nguyễn Thị Thanh Thủy	28/7/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
931	B10931	Mạc Thị Thủy	08/6/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
932	B10932	Nguyễn Thị Thủy	08/01/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
933	B10933	Vũ Thị Thu Thủy	28/12/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
934	B10934	Bùi Thị Thủy	22/9/1979	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
935	B10935	Vũ Thị Thuyền	18/12/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
936	B10936	Rô Lan Tiên	22/12/1993	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
937	B10937	Võ Tấn Tiến	10/10/1977	Nam	Thẩm tra viên	Gia Lai	
938	B10938	Phạm Ngọc Tiến	26/01/1977	Nam	Thẩm tra viên chính	TP. Hải Phòng	
939	B10939	Lê Trung Tiến	10/6/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
940	B10940	Kiều Minh Tiến	08/12/1991	Nam	Thư ký viên	Vĩnh Long	
941	B10941	Nguyễn Tuấn Tín	30/01/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
942	B10942	Võ Ngọc Tín	14/9/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
943	B10943	Hồ Phương Tinh	19/9/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
944	B10944	Lâm Thanh Toàn	10/01/1990	Nam	Thư ký viên	An Giang	
945	B10945	Phạm Đăng Toàn	11/7/1983	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Hưng Yên	
946	B10946	Khuất Duy Toàn	16/8/1984	Nam	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
947	B10947	Võ Thanh Tòng	22/11/1984	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
948	B10948	Nguyễn Thị Thanh Trà	10/10/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
949	B10949	Nguyễn Thị Thu Trà	21/12/1988	Nữ	Thẩm tra viên, Trưởng phòng	Lạng Sơn	
950	B10950	Tạ Thị Hồng Trâm	07/4/1991	Nữ	Thư ký viên	Lạng Sơn	
951	B10951	Phạm Thị Trâm	15/7/1980	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
952	B10952	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	18/5/1993	Nữ	Thư ký viên	Quảng Trị	
953	B10953	Trần Thị Mai Trâm	13/9/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
954	B10954	Ôn Tú Trăn	05/02/1989	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
955	B10955	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/10/1989	Nữ	Thẩm tra viên chính, Phó Trưởng phòng	Văn phòng TANDTC	
956	B10956	Trần Thị Huyền Trang	02/3/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
957	B10957	Nguyễn Thái Trang	01/10/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
958	B10958	Trần Thị Thùy Trang	02/12/1989	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	An Giang	
959	B10959	Vũ Thị Thu Trang	28/8/1989	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
960	B10960	Nguyễn Thị Thu Trang	17/4/1991	Nữ	Thư ký viên	Bắc Ninh	
961	B10961	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/10/1986	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
962	B10962	Nguyễn Huyền Trang	19/4/1993	Nữ	Thư ký viên	Hà Tĩnh	
963	B10963	Nguyễn Thị Trang	21/10/1983	Nữ	Thư ký viên chính	Hưng Yên	
964	B10964	Nguyễn Trần Huyền Trang	03/5/1991	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
965	B10965	Đặng Thu Trang	01/3/1986	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ninh	
966	B10966	Nguyễn Thu Trang	30/6/1993	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
967	B10967	Vũ Thị Thùy Trang	20/12/1990	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
968	B10968	Trịnh Thu Trang	28/6/1990	Nữ	Thư ký viên	Thanh Hóa	
969	B10969	Nguyễn Thị Thu Trang	26/11/1986	Nữ	Thẩm tra viên chính, Phó Trưởng phòng	TP. Cần Thơ	
970	B10970	Trương Thuý Trang	15/10/1994	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	
971	B10971	Trần Thị Trang	08/7/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
972	B10972	Trần Thị Huyền Trang	09/07/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
973	B10973	Nguyễn Thu Trang	12/9/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
974	B10974	Lê Thị Thu Trang	11/02/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
975	B10975	Vũ Thị Mai Trang	09/9/1993	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
976	B10976	Nguyễn Thị Kiều Trang	19/4/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
977	B10977	Lê Thủy Trang	04/9/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
978	B10978	Phan Thị Trang	10/6/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
979	B10979	Nguyễn Thị Đài Trang	08/02/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
980	B10980	Phùng Thị Trang	20/10/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
981	B10981	Bùi Thị Huyền Trang	04/6/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
982	B10982	Hà Đan Trang	15/06/1990	Nữ	Thư ký viên	Tuyên Quang	
983	B10983	Nguyễn Văn Trọng	12/12/1992	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
984	B10984	Nguyễn Vũ Trí	02/4/1991	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
985	B10985	Nguyễn Thành Trí	13/12/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
986	B10986	Huỳnh Ngọc Trí	19/5/1985	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hồ Chí Minh	
987	B10987	Nguyễn Hoàng Ngọc Triều	26/12/1992	Nữ	Thư ký viên	Lào Cai	
988	B10988	Nguyễn Thị Diễm Trinh	16/01/1989	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
989	B10989	Đỗ Thị Mộng Trinh	29/8/1991	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
990	B10990	Dương Thục Trinh	22/9/1992	Nữ	Thư ký viên	Lai Châu	
991	B10991	Phạm Công Trình	15/9/1991	Nam	Thư ký viên	Ninh Bình	
992	B10992	Phạm Văn Trọng	29/11/1990	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
993	B10993	Đỗ Thành Trung	10/7/1988	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
994	B10994	Phạm Quang Trung	06/01/1992	Nam	Thư ký viên	Khánh Hòa	
995	B10995	Đỗ Duy Trung	09/04/1984	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
996	B10996	Ngô Văn Trường	28/7/1982	Nam	Thư ký viên	Cà Mau	
997	B10997	Đỗ Xuân Trường	19/10/1974	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
998	B10998	Hồ Ngọc Trường	26/6/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
999	B10999	Nguyễn Ngọc Tú	21/01/1986	Nam	Thư ký viên	An Giang	
1000	B11000	Lê Thị Tú	10/02/1985	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
1001	B11001	Huỳnh Thị Cẩm Tú	02/4/1990	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
1002	B11002	Nguyễn Minh Tú	20/3/1989	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1003	B11003	Nguyễn Hồng Ngọc Tú	20/5/1992	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
1004	B11004	Đỗ Anh Tú	10/9/1990	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Sơn La	
1005	B11005	Phan Thanh Tú	16/01/1982	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
1006	B11006	Dương Xuân Tú	25/02/1990	Nam	Thư ký viên	Thanh Hóa	
1007	B11007	Nguyễn Văn Tứ	13/05/1982	Nam	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
1008	B11008	Lê Đình Tứ	21/10/1992	Nam	Thư ký viên	TP. Huế	
1009	B11009	Nguyễn Mậu Tuấn	19/8/1989	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
1010	B11010	Nguyễn Trí Tuấn	26/6/1993	Nam	Thư ký viên	Bắc Ninh	
1011	B11011	Nguyễn Văn Tuấn	30/12/1985	Nam	Thư ký viên	Đồng Tháp	
1012	B11012	Nguyễn Văn Tuấn	08/9/1983	Nam	Thẩm tra viên, Phó Trưởng phòng	Hưng Yên	
1013	B11013	Thanh Lê Anh Tuấn	15/10/1994	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
1014	B11014	Nguyễn Thành Tuấn	20/11/1993	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
1015	B11015	Nguyễn Minh Tuấn	19/9/1984	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
1016	B11016	Nguyễn Ngọc Tuấn	24/4/1992	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
1017	B11017	Trần Mạnh Tuấn	08/11/1989	Nam	Thư ký viên	Phú Thọ	
1018	B11018	Phạm Anh Tuấn	10/4/1982	Nam	Thẩm tra viên	Quảng Ninh	
1019	B11019	Trần Việt Tuấn	02/11/1991	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
1020	B11020	Lê Thanh Tuấn	09/4/1992	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	
1021	B11021	Phạm Anh Tuấn	02/12/1986	Nam	Thẩm tra viên	Tây Ninh	
1022	B11022	Trần Hữu Tuấn	04/9/1979	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
1023	B11023	Bùi Đức Tuấn	08/4/1993	Nam	Thư ký viên	Thái Nguyên	
1024	B11024	Đỗ Phú Tuấn	10/8/1977	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1025	B11025	Lê Khắc Tuấn	16/5/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1026	B11026	Phạm Minh Tùng	24/3/1991	Nam	Thẩm tra viên	Vụ Giám đốc, kiểm tra II	
1027	B11027	Ninh Viết Tùng	05/6/1990	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Phú Thọ	
1028	B11028	Hoàng Sơn Tùng	19/8/1989	Nam	Thư ký viên	Quảng Ninh	
1029	B11029	Trần Thanh Tùng	17/5/1986	Nam	Thẩm tra viên	TP. Đồng Nai	
1030	B11030	Lê Quốc Tững	10/02/1985	Nam	Thư ký viên	An Giang	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1031	B11031	Phạm Thị Tươi	26/9/1981	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
1032	B11032	Nguyễn Thị Tươi	11/10/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
1033	B11033	Đông Mây Hồng Tuyên	10/10/1985	Nam	Thư ký viên	Khánh Hòa	
1034	B11034	Hoàng Thị Tuyến	28/8/1976	Nữ	Thư ký viên	Thái Nguyên	
1035	B11035	Lê Huỳnh Bích Tuyên	27/6/1982	Nữ	Thẩm tra viên	An Giang	
1036	B11036	Bùi Thị Tuyết	11/9/1991	Nữ	Thẩm tra viên	Đắk Lắk	
1037	B11037	Trần Thị Ánh Tuyết	20/12/1985	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
1038	B11038	Trần Thị Tuyết	01/3/1991	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
1039	B11039	Nguyễn Ánh Tuyết	11/08/1983	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
1040	B11040	Nguyễn Diệu Tuyết	19/01/1985	Nữ	Thẩm tra viên chính	TP. Hà Nội	
1041	B11041	Nguyễn Thị Tuyết	03/9/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1042	B11042	Nguyễn Văn Út	08/9/1990	Nam	Thư ký viên	TP. Cần Thơ	
1043	B11043	Tô Thị Út	05/8/1986	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
1044	B11044	Nguyễn Lê Xuân Uyên	25/01/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1045	B11045	Hoàng Thị Hải Uyên	03/07/1980	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
1046	B11046	Nguyễn Thị Thu Vân	10/09/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
1047	B11047	Ngô Thị Vân	25/2/1989	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Bắc Ninh	
1048	B11048	Lê Thị Thanh Vân	28/02/1992	Nữ	Thư ký viên	Đồng Tháp	
1049	B11049	Trần Thị Thúy Vân	28/02/1988	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
1050	B11050	Trần Thị Cẩm Vân	12/11/1983	Nữ	Thư ký viên	Hà Tĩnh	
1051	B11051	Nguyễn Thị Trang Vân	24/4/1987	Nữ	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Hưng Yên	
1052	B11052	Nguyễn Thị Vân	19/9/1990	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
1053	B11053	Trịnh Thanh Vân	01/11/1985	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
1054	B11054	Mai Thị Chiêm Vân	02/11/1988	Nữ	Thư ký viên	Lâm Đồng	
1055	B11055	Cao Thị Vân	2/10/1988	Nữ	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Nghệ An	
1056	B11056	Trần Thị Hồng Vân	12/7/1991	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
1057	B11057	Thái Thị Thúy Vân	06/08/1988	Nữ	Thư ký viên	Tây Ninh	
1058	B11058	Đặng Thị Thảo Vân	04/01/1994	Nữ	Thư ký viên	TP. Đà Nẵng	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1059	B11059	Thái Thị Vân	06/8/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
1060	B11060	Nguyễn Thị Hồng Vân	20/06/1985	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
1061	B11061	Nguyễn Thị Cẩm Vân	21/11/1992	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
1062	B11062	Phạm Thùy Vân	06/4/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1063	B11063	Phạm Thị Cẩm Vân	02/11/1986	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1064	B11064	Phan Thị Thanh Vân	28/3/1988	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1065	B11065	Lê Thị Thanh Vân	04/02/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1066	B11066	Nguyễn Thị Thu Vân	16/4/1991	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
1067	B11067	Lương Thị Hồng Vân	12/02/1985	Nữ	Thẩm tra viên	Vĩnh Long	
1068	B11068	Hoàng Văn	28/02/1988	Nam	Thư ký viên	Đắk Lắk	
1069	B11069	Giàng Mạnh Vàng	26/3/1988	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Lào Cai	
1070	B11070	Lê Tường Vi	26/5/1991	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
1071	B11071	Nguyễn Thị Hoàng Vi	09/10/1993	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
1072	B11072	Lê Thị Tường Vi	03/8/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1073	B11073	Đinh Thị Viên	02/11/1990	Nữ	Thư ký viên	Sơn La	
1074	B11074	Mã Thư Viên	16/5/1990	Nữ	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Cao Bằng	
1075	B11075	Phan Văn Viên	16/02/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Huế	
1076	B11076	Đặng Văn Việt	05/5/1983	Nam	Thư ký viên chính	An Giang	
1077	B11077	Hà Đăng Việt	05/4/1983	Nam	Thẩm tra viên, Chánh Văn phòng	Hưng Yên	
1078	B11078	Mai Văn Việt	21/11/1988	Nam	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
1079	B11079	Nguyễn Văn Việt	27/06/1989	Nam	Thẩm tra viên	TP. Hải Phòng	
1080	B11080	Lương Thế Vinh	28/7/1990	Nam	Thư ký viên	An Giang	
1081	B11081	Phạm Thế Vinh	05/5/1989	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1082	B11082	Trần Hữu Vinh	29/5/1980	Nam	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Đồng Tháp	
1083	B11083	Phạm Văn Vinh	06/3/1992	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
1084	B11084	Đinh Quang Vịnh	16/01/1986	Nam	Thư ký viên, Chánh Văn phòng	Quảng Trị	
1085	B11085	Trương Quang Vũ	02/8/1991	Nam	Thư ký viên	Lâm Đồng	
1086	B11086	Hoàng Đình Vương Vũ	26/05/1986	Nam	Thư ký viên	Quảng Trị	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1087	B11087	Lữ Minh Vũ	14/5/1988	Nam	Thư ký viên	Tây Ninh	
1088	B11088	Nguyễn Đức Vũ	12/3/1991	Nam	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1089	B11089	Lê Thị Vui	07/5/1990	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1090	B11090	Phan Quốc Vương	26/5/1990	Nam	Thư ký viên	Lào Cai	
1091	B11091	Nguyễn Quốc Vương	09/11/1991	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
1092	B11092	Nguyễn Thị Tường Vy	10/6/1993	Nữ	Thư ký viên	TP. Huế	
1093	B11093	Lê Thị Xuân	16/12/1981	Nữ	Thẩm tra viên	Nghệ An	
1094	B11094	Bùi Thị Xuân	12/3/1990	Nữ	Thư ký viên	Quảng Ngãi	
1095	B11095	Nguyễn Thị Xuân	05/11/1985	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	Tây Ninh	
1096	B11096	Vũ Thị Xuân	17/8/1987	Nữ	Thư ký viên	TP. Hải Phòng	
1097	B11097	Hoàng Thị Xuân	10/02/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1098	B11098	Nguyễn Kim Thanh Xuân	05/3/1989	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1099	B11099	Lâm Thị Hoà Xuân	25/11/1988	Nữ	Thẩm tra viên	Vĩnh Long	
1100	B11100	Nguyễn Thị Thu Xương	20/02/1988	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
1101	B11101	Đoàn Thị Xuyên	26/3/1990	Nữ	Thư ký viên	Ninh Bình	
1102	B11102	Nguyễn Thị Ý	20/01/1989	Nữ	Thư ký viên	An Giang	
1103	B11103	Dương Như Ý	09/10/1988	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
1104	B11104	Nguyễn Thị Như Ý	03/4/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Đồng Nai	
1105	B11105	Lâm Thị Hòa Yên	07/07/1992	Nữ	Thư ký viên	Khánh Hòa	
1106	B11106	Lê Thị Hồng Yên	05/5/1980	Nữ	Thư ký viên, Phó Chánh Văn phòng	An Giang	
1107	B11107	Dương Kim Yên	01/01/1991	Nữ	Thư ký viên	Cà Mau	
1108	B11108	Mã Thị Hoàng Yên	29/11/1991	Nữ	Thư ký viên	Cao Bằng	
1109	B11109	Lê Nữ Hoàng Yên	01/11/1990	Nữ	Thư ký viên	Đắk Lắk	
1110	B11110	Đinh Thị Yên	30/7/1989	Nữ	Thư ký viên	Gia Lai	
1111	B11111	Trần Thị Yên	16/12/1990	Nữ	Thư ký viên	Hưng Yên	
1112	B11112	Lê Thị Hải Yên	22/10/1984	Nữ	Thư ký viên chính	Hưng Yên	
1113	B11113	Cao Thị Hải Yên	19/01/1986	Nữ	Thư ký viên	Phú Thọ	
1114	B11114	Nguyễn Kim Yên	28/02/1988	Nữ	Thẩm tra viên	TP. Cần Thơ	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1115	B11115	Nguyễn Thị Hoàng Yến	10/10/1979	Nữ	Thư ký viên	TP. Hà Nội	
1116	B11116	Nguyễn Hoàng Yến	28/9/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1117	B11117	Võ Thị Hoàng Yến	14/10/1984	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1118	B11118	Thái Thị Yến	20/10/1991	Nữ	Thư ký viên	TP. Hồ Chí Minh	
1119	B11119	Phạm Thị Kim Yến	07/07/1989	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	
1120	B11120	Huỳnh Ngọc Yến	23/4/1984	Nữ	Thư ký viên	Vĩnh Long	

Tổng số: 1120 người



HƯỚNG DẪN CHI TIẾT CÁC BƯỚC NỘP LỆ PHÍ (bắt đầu nộp lệ phí từ ngày 10/8/2026-14/8/2026)

Bước 1: Truy cập hệ thống tra cứu

- Thí sinh truy cập địa chỉ: <https://thithamphan.toaan.gov.vn/> để tra cứu.
- Giao diện tra cứu sẽ hiển thị như sau:

The screenshot shows the official website for the 2026 National Judicial Examination. At the top, it reads 'KỲ THI TUYỂN CHỌN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2026' and 'NỘP LỆ PHÍ'. Below this, a prompt asks the user to enter their CCCD number to check their account balance and fee payment status. A search bar is provided with the placeholder text 'Nhập số căn cước công dân' and a 'Tìm kiếm' (Search) button.

Bước 2: Tra cứu thông tin tài khoản định danh

- **Nhập số CCCD** vào ô tìm kiếm
- **Nhấn nút “Tìm kiếm”** hoặc ấn phím Enter
- Hệ thống sẽ hiển thị thông tin:
 - Họ và tên
 - Số CCCD
 - **Số tài khoản định danh** (quan trọng)
 - **THÔNG TIN CHUYỂN KHOẢN LỆ PHÍ**

Bước 3: Thực hiện chuyển khoản lệ phí

Cách 1: Quét mã QR (Khuyến nghị)

1. Mở ứng dụng ngân hàng trên điện thoại
2. Chọn tính năng **“Quét mã QR”** hoặc **“Scan QR Code”**
3. Quét mã QR hiển thị trên màn hình
4. Ứng dụng ngân hàng sẽ tự động điền đầy đủ thông tin:
 - Số tài khoản: **Số TK định danh của thí sinh**
 - Chủ tài khoản: **VAN PHONG TOA AN NHAN DAN TOI CAO**

- Số tiền: Theo bậc dự thi (hệ thống tự động điền)
- Nội dung: “Nop le phi thi Tham phan 2026”

5. **Kiểm tra kỹ thông tin** trước khi xác nhận chuyển khoản

6. **Xác nhận hoàn tất** giao dịch

Cách 2: Chuyển khoản thủ công

Nếu không quét được mã QR, thí sinh có thể chuyển khoản thủ công với thông tin sau:

- **Số tài khoản:** [Số TK định danh hiển thị sau khi tra cứu]
- **Chủ tài khoản:** VAN PHONG TOA AN NHAN DAN TOI CAO
- **Số tiền:** Theo bậc dự thi đăng ký, cụ thể: Thăm phán bậc 3: 1.400.000đ; Thăm phán bậc 2: 700.000đ; Thăm phán bậc 1: 500.000đ
- **Nội dung chuyển khoản:** Nop le phi thi Tham phan 2026
- **Ngân hàng thụ hưởng:** Ngân hàng liên kết với hệ thống (tự động nhận diện qua số TK)

Bước 4: Lưu giữ biên lai

- **Lưu lại biên lai chuyển khoản** (screenshot hoặc hình chụp)
- **Giữ kỹ mã giao dịch** (nếu có) để đối chiếu khi cần thiết

LƯU Ý:

1. Thông tin cần kiểm tra kỹ:

- **Họ và tên** hiển thị phải khớp với thông tin thí sinh
- **Số tài khoản định danh** là duy nhất cho mỗi thí sinh
- **Số tiền** chính xác theo bậc dự thi: Bậc 3: 1.400.000đ; Bậc 2: 700.000đ; Bậc 1: 500.000đ
- **Nội dung chuyển khoản** phải đúng: “Nop le phi thi Tham phan 2026”

2. Những điều cần tránh:

- Không tự động thay đổi nội dung chuyển khoản
- Không chuyển sai số tiền
- Không chuyển khoản sang tài khoản khác ngoài số TK định danh được cấp
- Không đóng lệ phí bằng tiền mặt trực tiếp